Đức Cha HALARIO DE JESU

SÁCH CÁC PHÉP

冊各法

QUỐC NGỮ,NÔM,LA TINH (THẾ KỶ 18)

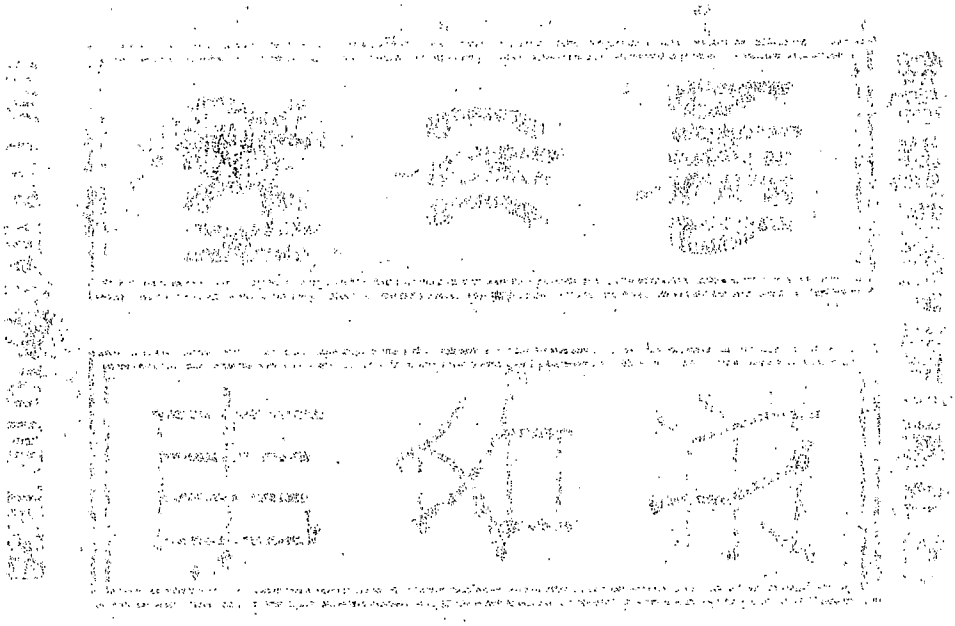

Giám Mục HILARIO DE JESU

SÁCH CÁC PHÉP

(Thế kỷ 18)

Bằng 3 thứ chữ

- **Nôm**
- **Latinh**
- **Quốc Ngữ**

Bx
880
.S23
1995
Vol.8

MỤC LỤC

(Không có trong nguyên văn)

1. **Mấy lời giới thiệu** 5
2. **Nghĩa chung (Tựa)** 179
3. **Phần thứ nhất** 172
   - Thứ tự Thánh Lễ Missa (Ordo Missae) 171
   - Lễ qui (Canon Missae) 117
   - Bài Tiền Ngôn Tin Mừng (Thánh Gioan) 83
4. **Phần thứ hai.** 79
   - Kinh Phép Rửa Tội trẻ con. 78
   - Lời Giải Tội. 50
   - Thứ tự khi cho người ta chịu lễ. 48
   - Thứ tự phải giữ khi làm phép Xức Dầu Thánh. 44
   - Phép phải giữ khi làm phép Sacaramentô Matrimoniô (Hôn Phối). 25
5. **Phụ trương** : Các kinh đọc khi mặc áo lễ. 15

MẤY LỜI GIỚI THIỆU

Chúng tôi có dịp nhiều lần gặp cha Roland JACQUES, Dòng Thừa Sai (Oblat) gốc Strasbourg, Pháp, Cử Nhân Giáo Luật Đại Học Công Giáo Paris. Ngài được học bổng Chính Phủ Bồ Đào Nha sang tu nghiệp tại Việt Nam, nghiên cứu về lịch sử Giáo Hội và Ngôn Ngữ Việt Nam trong 2 năm, 1995 và 1996. Ngài nói và viết thông thạo Tiếng Việt, đọc được cả chữ Nôm. Ngài sẽ hoàn thành luận án Tiến Sĩ Giáo Luật trên những cơ sở đó.

Ngài đã trao đổi với chúng tôi về một số vấn đề liên quan đến Giáo Hội Việt Nam và Tiếng Việt :

- Ai là người đầu tiên làm ra chữ Quốc Ngữ : Franciscô de Pina hay Alexandre de Rhodes ?

- *Hội Đồng Tứ Giáo* có phải là tác phẩm lịch sử hay chỉ là hư cấu ? Hai nhân vật Công Giáo xuất hiện trong đó có phải là Cha Thánh Gia (Giacinto Lacintô Castaneda) và Cha Thánh Vincentê Liêm, như một Bản Quốc Ngữ in lần thứ 12 (1953) đã khẳng định không ? Cha Roland Jacques hình như thiên về ý kiến này. Trong số 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam, ngài đã quan tâm rất nhiều đến

hai vị Thánh nói trên. Ngài đã cho chúng tôi bản chụp hai bức thư cuối cùng (viết trước ngày bị chém) của hai vị Thánh này, đã được lưu trữ ở thư viện Tòa Sứ Thần Tòa Thánh ở Bangkok, Thái Lan.

Cha Roland Jacques đã có mỹ ý tặng chúng tôi một số tư liệu khá quý khác :

- *Le Premier Synode du Tonkin* (14 Février 1670), Tiểu luận Cử Nhân Giáo Luật của ngài (1993).
- *L'oeuvre de quelques Pionners Portugais dans le domaine de la linguistique Vietnamienne.* Tiểu luận Ngôn Ngữ Việt Nam, tại Viện Các Ngôn Ngữ Đông Phương, Paris.
- Một số bản thảo về : Nguồn gốc chữ Quốc Ngữ, người đầu tiên sáng tạo chữ Quốc Ngữ Francisco de Pina ; một số bản án phong Thánh Việt Nam.
- *Sách Các Phép* bằng chữ Nôm - Latinh - Quốc Ngữ.

Chúng tôi mong có ngày khai thác tất cả những bản văn quí này.

Hiện giờ chúng tôi đánh bạo giới thiệu bản

văn cuối cùng kể trên : *Sách Các Phép* mà cha Roland Jacques đã ghi đầu sách là *Rituel Latin - Vietnamien thế kỷ 18.* Bản thân tác giả tác phẩm này chẳng hề ghi **đầu sách** hay **năm phát hành** gì cả. Nhưng nếu đọc kỹ bản **Nghĩa Chung** (Tựa), chúng ta sẽ thấy rất rõ ai là tác giả và sách được viết năm nào.

Tác giả là Đức Cha Giám Quản Tông Tòa HILARIO DE JESU, thuộc Dòng Thánh Augustin, quản lý Địa Phận Đông Đàng Ngoài (Hiện nay gồm các Giáo Phận Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh và Thái Bình) từ 1737 đến 1756.

Tác phẩm được lưu hành nội bộ, giữa thế kỷ 18, dưới hình thức **thư chung** hay **thư luân lưu** bằng 3 thứ chữ Nôm, Latinh, Quốc Ngữ.

Chữ viết cơ bản của tác phẩm này là chữ Nôm, viết theo dòng dọc, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái. Chữ Latinh ghi bên phải, chữ Quốc Ngữ ghi bên trái, còn dòng chữ Nôm ở giữa. Cả 3 thứ chữ có lẽ được ghi đồng thời bằng bút lông chim, sắc cạnh và bay bướm, nhưng dễ đọc hơn so với chữ Nôm các tác phẩm của Maiôrica.

Tác phẩm này chúng tôi cũng in ngược.

Tác phẩm này có lẽ được viết trước những tác phẩm Quốc Ngữ của linh mục Philipphê Bình. Lối chữ viết đã khá ổn định so với lối chữ viết của Alexandre de Rhodes ; không xa gì lối viết của Pigneau de Béhaine (1774) và của Taberd (1880).

Tuy nhiên lối viết Quốc Ngữ của tác phẩm này vẫn còn rớt lại một số ký hiệu chính tả cũ :

ml ∞ l
bl ∞ l
β ∞ v
η ∞ ~
ea ∞ a

Phần chủ yếu chữ viết trong tác phẩm này là chữ Nôm. Vào lúc tác phẩm được lưu hành, các linh mục Việt Nam ở địa phận Đông Đàng Ngoài, phần đông thông thạo chữ Nôm, nhưng không hẳn đã thông thạo chữ Quốc Ngữ, còn tiếng Latinh thì mù tịt. Nhưng khi làm lễ và làm các phép Bí Tích, các linh mục đều phải sử dụng chữ Latinh ; cho nên tác giả đã phải dịch chữ Latinh sang chữ Nôm. Còn chữ Quốc Ngữ chỉ là để phiên âm chữ Nôm ; có thể cũng là để giúp các thừa sai Tây Ban Nha đọc được chữ Nôm, qua chữ Quốc Ngữ, vì thế hai thứ chữ Nôm và chữ Quốc Ngữ được ghi song hành. Còn chữ Latinh vì

lối cấu trúc đảo ngược, nên chỉ được ghi những danh từ và động từ Latinh bên những danh từ và động từ Nôm.

Chúng ta nhận thấy các thừa sai Tây Ban Nha ở Địa Phận Đông Đàng Ngoài trước sau vẫn quan tâm liên tục đến sự sử dụng chữ Nôm trong mục vụ.

Trước hết có lẽ hầu hết các **thư luân lưu** đều được viết bằng chữ Nôm. Những nữ tu Mến Thánh Giá đã cao tuổi (trên dưới 80 tuổi còn sống đều cho biết, hồi còn trẻ tuổi đã phải học tập các **thư luân lưu** viết bằng chữ Nôm). - Các chủng sinh, các tu sĩ nam nữ, từ trước 1954 đều phải đọc sách bằng chữ Nôm (ở nhà cơm và nhà nguyện).

Nếu so sánh công trình chữ Nôm của các thừa sai Tây Ban Nha (Dòng Đaminh) tại Việt Nam với công trình chữ Nôm của các thừa sai Pháp thuộc hội truyền giáo Paris (MEP), chúng ta thấy công trình của các thừa sai Tây Ban Nha cũng bằng công trình thừa sai Pháp, hay có thể còn hơn. Một số sách đạo bằng chữ Nôm của các thừa sai Pháp hình như đã mượn từ các tác phẩm của đồng nghiệp ở Hồng Kông hay Trung Quốc.

Chúng tôi tạm liệt kê một số tác phẩm bằng

chữ Nôm của các thừa sai Tây Ban Nha (Trích từ cuốn *Sổ Sách Công Giáo*, do chúng tôi sưu tập) :

- Trước hết là bộ *Sách Thánh* gồm 12 cuốn, có lẽ nhiều trang hơn bộ *Sách Truyện Các Thánh* của các thừa sai Pháp : Trong tác phẩm này còn được ghi tiểu sử của nhiều vị Thánh Dòng Đaminh, và được coi như cuốn *Phụng Vụ Chư Thánh* của dòng này.

- Bộ sách *Giống Má* cũng gồm 12 quyển, số trang tương đương với bộ *Sách Thánh* nói trên. Chúng tôi rất tiếc chỉ mới thu góp được 2, 3 quyển. Nội dung là sách đạo đức.

- Bộ *Thổi Loa* (*Đánh Thức Kẻ Mê Ngủ Chẳng Đi Đàng Phúc Đức*) cũng là sách đạo đức gồm 4 quyển.

- Hai bộ sách đạo đức khác : Bộ *Vườn Hoa* gồm 3 quyển ; bộ *Sửa Mình* gồm 2 quyển.

- Sau cùng chúng ta còn thấy đủ loại những sách đạo đức khác, như : *Sách Thương Khó, Sách Toàn Niên, Sách Lâm Mệnh, Sách Ngắm Lễ,* các *Sách Luật Dòng Ba Đaminh.*

Về các **thư luân lưu** viết bằng chữ Nôm .

chúng tôi chưa tìm được tài liệu nào. Các thừa sai Paris, như chúng tôi thấy,còn để lại một số thư bằng chữ Nôm : *Thư Chung Về Phép Nhất Phu Nhất Phụ ; Thư Chung Về Sự Coi Trẻ Con ; Thư Chung Về Sự Dối Trá...*

Nếu nên kể ở đây những tác phẩm bằng chữ Quốc Ngữ, thì chúng tôi phải kể đến 3 cuốn **Thư Chung** dịch ra Quốc Ngữ, ghi lại : hoặc tóm tắt, hoặc ghi toàn văn các thư chung lưu hành từ năm 1759, (đời Đức Cha Lui Huy, địa phận Đông Đàng Ngoài) đến năm 1902. Tất cả những **Thư Chung** này có lẽ đều đã viết bằng chữ Nôm (?).

Các **Thư Chung** này đề cập đến mọi vấn đề tôn giáo, xã hội.... liên quan đến các linh mục, tu sĩ và giáo dân của địa phận Đông, và địa phận Trung Đàng Ngoài, gồm các giáo phận Thái Bình, Bùi Chu, Hải Phòng, Bắc Ninh bây giờ. Nhiều bức thư khá dài, có bức thư dài tới hàng chục trang chữ in, khổ trung bình, với thứ chữ Quốc Ngữ không khác gì lối chữ Quốc Ngữ hiện đại.

Lưu Hành Nội Bộ
1997

⑦ 經歎點祝禮文礼

Domine

祝主至尊吳几也 qui dixisti

lay Đức chúa blời là Kẻ đã phán rằng ích tao là sự am và

tao là sự nhọc thì tôi xin Đức chúa

奇分朱行特崇軫尼体朱特爾吳吹亞主奇

blời làm cho tôi Đời mãng ích nay phải thế cho Đức ga và sa xi a Đức chúa blời

亞縛

chớ gì

⑥ 經歎恒續古

Domine redde mihi notam

真主至尼把朱爲續古恒對吳主行也補朱歎祖宗爲歎也犯罪尼

xin Đức chúa blời cho tôi đều có hành sau là sự tôi đã bỏ mạt khi tổ tơ trước đã phạm tội về

主曲理行朱也吳主至尊双爲行奠朱當主至尊吳尼爲

tôi mai chẳng đến gần sự thánh mầu thiêm Đức chúa blời bảo lo tôi xin cho đúng sự vui vẻ vô cùng

⑤ 經歎祝禮文礼

Domine

主至尊几朱也 mercari

吳尼爲 portare

吳吹 manibus

爲道朱特明巧歎臣祝功庫 fletu et

xin Đức chúa blời làm cho đúng mãng đều khóc lóc và đầu đến cho Đức mãng nghe khi chầu cầu khó

daloccij

Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	③ 經奇祓[illegible]歟[illegible]辭	Mundabis me	Domine
Xin Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	④ 經歟秩[illegible]	Mundabis me	Domine
Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	② 經歟[illegible]中[illegible]	Capitis meo galea	Domine
Xin Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	① 經歟[illegible]	Da virtutem	Domine

Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Servire	行[illegible]主者	Sibi	tôi
Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	② 經歟[illegible]中[illegible]	Impone Capitis meo galea	Salutis ad expugnandos diabolicos insultus
Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	① 經歟[illegible]	Da virtutem	Domine

Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	① 經歟[illegible]	Da virtutem	Domine
Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	② 經歟[illegible]中[illegible]	Impone Capitis meo galea	Salutis ad expugnandos diabolicos insultus
Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Servire	行[illegible]主者	Sibi	tôi
Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	③ 經奇祓[illegible]歟[illegible]辭	Mundabis me	Domine
Đức Chúa mỗi lần cho tôi nên trắng cũng làm cho sạch hồn tôi cho được nên trắng bởi máu Con chiên mà chẳng những	Domine	④ 經歟秩[illegible]	Mundabis me	Domine

Chi chú : Chúng tôi ghi chữ Quốc Ngữ đầu mỗi kinh, và đánh số từ 1 - 7.

感恩主尊 Cám ơn Đức chúa bloi		全天合敬 uhân thiên hai chung

ấy vì ki ti xi tô chúa chúng tôi	per Christum Dominum nostrum	是乃基督後以耶主名於我
thừa chuẩn gì	Amen	陳諸之
ngài đã bày ra chu đuê Sinh Sáng loài người ta cho kẻ hợp nhau bởi phép ngài đã định chịu sức ngài giên giữ kẻ	ordinasti propagatio neri generis humani qui ut junguntur te auctore auxilian te te Servantur	是乃耶果朱特生產類昇哉朱凡全將委法昇之斑特臣將昇之傳凡
lấy đức chúa bloi chúng tôi xin hãy trông xem những tôi tớ ngài này cùng lành mà giúp việc ngài đã định cả những sự	Domine quesumus respice super famulos tuos hos et benignus assiste tuis institutis quibus	神所主今求所望奚是祇仍所依昇之老祇昇所為

lạy Đức Chúa Blời hãy ngheo mọi tôi cầu xin	祂弟三亨炎爲主 Domine exaudi	lạy Đức Chúa mọi hãy ở cho kẻ ấy như thấy Có sức mạnh	祂弟三亨炎爲主 Domine esto eij turrij fortitudinij
chúng tôi phải cầu nghiện	爲的伴求 oremus	thừa và ở cùng linh hồn ngài	辣 R et cum spiritu tuo	thừa cho khỏi mặt kẻ thù	辣 R a facie inimici

lạy Đức Chúa Blời hãy sai cho kẻ ấy sức bởi thánh này	祂弟三亨炎爲主 Domine 炎爲主奇炎爲 mitte eij auxilium de Sancto	hãy cứu kẻ hai tôi tạ ơn	炎救祂炎的依 Saluos fac servos tuos	chúng tôi cầu xin	吒 Pater 紙 noster
thừa cùng giúp kẻ ấy bởi Sion	辣 R et tuere eos de Sion	thừa Deo tôi là kẻ trông cậy cùng ngài	辣 R 吧 Deus 的 meus 孔 speranteg 忌 in 共 te	ơn trên chúng tôi	恩 etc. 常 et 使 ne 感 inducas
				vân vân	etc.
				thừa bởi chúng tôi	辣 R 下 Ad 卿 libera 異 nos 行
				vân vân	etc.

chúa Đức thường xem	主 眺 倚 祝	Kirie eleyson
Ki ri xi tô thường xem	基 利 斯 多 倚 祝	Christe eleyson
chúa Đeo thường xem	主 眺 倚 祝	Kirie eleyson

thuở	時	tunc
bởi đền thờ thánh ng: là Kê ở trào Je ru Sa lem	畢 庶 特 至 聖 殿 即 支 中 之 田 比 林	a templo Sancto tuo quod est in Jerusalem

chúa Đeo hãy làm cho chắc sự này là Sự Đức chúa bởi Đấng làm trào minh chúng tôi	主 眺 吳 公 牛 聊 爾 定 此 事 即 是 公 牛 爲 你 們	Deus confirma hoc quod est operatus in vobis

thuở chúa gì	時 主 是	tunc Amen
nhân danh cha và con và phi ri tô Sang tô	因 父 子 子 聖 神	in nomine Patris et Filii et Spiritus Sancti
chúa gì	主 是	Amen

bởi có bằng ân cứ chiều mãi ký ng: và sống là có sao yêu chiều mãi ni chi ri xi tô chúa chúng tôi	願 朱 安 平 安 共 樂 永 遠 常 在 我 們 主 耶 穌 基 督	integram in pace et permaneat voluntate tua atque vivat in caritate mutua semper per Christum Dominum nostrum

lay Đức chúa mời hãy làm phép nhân này là Kê chúng tôi làm phép nhân ten ng: cho Kê Sê mang nó Đức cao that cứ chiều nó cho	祈 爲 主 耶 穌 基 督 賜 福 於 此 即 是 我 們 主 耶 穌 基 督 之 名 共 戴 基 督 之 名	Domine benedic annulum hunc quem nos benedicimus in nomine tuo ut quae gestaverit eum toneny Fidelitatem Sponso Suo

Chúng tôi phải Cầu nguyện	我们应求愿	oremus
Đức chúa mình ở cùa bay	与主今共拜	Dominus cum vobis
thuà	跡	R
và ở cùa linh hồn ngì	常共灵魂身	et cum Spiritu tuo
bay Đức chúa mình hãy nghe mình tôi Cầu xin	祂主今听求愿	Domine exaudi meam orationem
thuà và xin cho tiếng tôi Kêu van đến cùa ngì	跡 叩愿朱哨 祈望旦共身	R et meus clamor ad te veniat

Giúp mình giúp chúng tôi ở nơi Ten Đức chúa mình	为我们祈主今	adjutorium nostrum in nomine Domini
thuà là Đấng đã làm nên mình và trời đất	跡 罪已造天中地	R qui fecit Cœlum et terram
làm phép nhân	祝恩	benedictio annuli
tao đạp bay làm một traù phép mà ri ở thêm danh cha và Con và phi ri tô Sang ta chúng ở gì	蛮合拜为我中陆 妇祷长母用后毛常见常五後茶山茶 指之	ego Conjungo vos in matrimonium in nomine Patris et Filii et Spiritus Sancti Amen

BIBLIOTHECA NACIONAL DE LISBOA

mõ	某	N.
có	女	vij
muốn	同	accipere
lấy	禮	N.
mõ	女	hic
ở	低	presente
đây	恭	in
trước	市	ligitimam
mặt	如	maritum
làm	民	tuam
thật	歎	juxta
chồng	何	Sancte
mình	如	Ecclesiæ
như	聖	matrij
thánh	討	
ghe	後	
ri	教	
ja	依	
i	果	
là	恐	
mẹ	必	
đấng	我	
chúng	主	
thừa	奉	volo
tôi	行	
muốn	因	

mõ	某	N.
có	女	vij
muốn	同	accipere
lấy	禮	N.
mõ	女	hic
ở	低	presente
đây	恭	in
trước	市	ligitimam
mặt	如	~~maritum~~ uxorem
làm	民	tuam
thật	婚	juxta
vợ	命	ritum
mình	如	Sancte
như	聖	Ecclesiæ
phép	討	
thí	後	
i	教	
ghe	依	
ri	果	
ja	恐	
là	必	
me	我	
đấng	我	
chúng	主	
thừa	奉	volo
tôi	行	
muốn	因	

phép	法	Ritu
phải	師	
giữ	傳	
	教	celebrandi
Khi	如	
làm	法	
phép	決	
Ja	教	Sacramenti
Ca	果	
pa	然	
men	恐	
tô	必	
ma	我	
ti	主	
ri	奉	Matrimonii
mo	行	
ni	因	
ô		

PHÉP HÔN PHỐI

au	朗		
ví	爲	per	
chi	基	Christum	
xi	督		
to	及		
~~thoc~~	我	Dominum	
chúa	主		
chúng	我	nostrum	
tôi	降		
chô	堂	Amen	
ji	之		

lam	以		
cho	牛		
nó	我	Confirmes	
vững	保		
lấy	祐	potestate	
phép	西		
mà	學		
gìn	行	tuaq	
giữ	真		
xin	實	atque	
cứ	把		
bliú	妃	restituas	
nó	來		
cho	重	Sanctæ	
thánh	依		
i	討		
ghe	務	Ecclesiæ	
ri	加		
ja	學	tuæ	
ngì	牛		
cho	在	Cum	
có	每		
mọt	事	omni	
sự	多		
lành	美	prosperitate	
đã	如		
ước	願	desiderata	

lòng	矣	benignus	
mà	爾		
đem	庇	assiste	
tôi	行	in	
tôi	依	famulum	
ngì	學	tuum	
cho	牛		
khỏi	也	liberatum	
bòm	將	ab	
đau	病	egritudine	
và	常		
Đức	特	donatum	
Chúa	賜		
mình	爾	Sanitate	
cứ	共		
lấy	祕		
tay	極	dextera	
mặt	牛		
ngì	學	tua	
mà	師		
tát	燃		
lên	蓮	erigato	
cấy	祕		
sức	勢	Virtute	
mà	爾		

Chúng tôi phải cầu nguyện	衆等必須祈願	oremus
bởi chúa thì là cha có phép vô cùng cùng là Đức hằng có vô cùng là Đức hay ban xuống	神主聖父天主全能永久無窮無眇恒古永穿世代倍增恩寵	Domine Sancte Pater omnipotens Deus æterne qui infundendo gratiam benedictione tua
cho các xác hồn đều có lấy Đức thần lành chiêu thế mà giữ vật ngày sinh ra thì chúng tôi kêu đến tên ngày mà xin cho	未各先者新芽發明作於鑄造肯賜生眾物各於叫呼先皇帝爾我	corporibus agris pietate multiplicas custodis factusque tuam ad invocationem nominis tui

bởi chúa chúng tôi xin hãy trào xem mà là tôi tớ ngày mới mê lẽ lui bên lẽ xác nó cùng là sức cho	神主聖父天主全能永久無窮無眇恒古永穿世代倍增恩寵	Domine sancte pater omnipotens æterne Deus qui respice ut famulus tuus faciem in infirmitatem corporis sui et ante
bởi chúa chúng tôi	基督主我	Christum Dominum nostrum
chớ gì	阿之	Amen
bởi lẽ Đức chúa mình đã dựng nên cho nó Đức minh vì các phần phạt các cùng biết mình đã thuộc ngày vì	天地萬物全能造化主我特初命爲各分罰共前爲造化主我救世主我	mirabili creasti eum emendatis castigationibus sentiat se salvatum medicum tuum per

Cầu xin Đức Chúa Trời phù hộ cho kẻ có đạo	求願	orenus	mà hại làm các việc như ngày trước là kẻ xấu và trị cả và ở phía ngoài	為	regnaretur officia omnitina qui vivi et regnat cum Patre et Spiritu Sancto	nó cứ lấy cả thường mà bởi sức Đức Chúa Trời ban cho nó được khỏe hại bởi ơn Đức Chúa Trời	如 quc misericor dia vedde sanitatem interius et exterius plenam ut restituat ope Dei in saecula saeculorum Amen

Cầu xin Đức Chúa Trời phù hộ cho kẻ có đạo	求願	orenus	Salvabit	救	remittentur	tha cho kẻ có đạo	赦 ei
Đức Chúa Trời	infirmum	quesumus	求	Redemptor	主	xin Đức Chúa Trời	求
và Đức Chúa Trời	et Dominus	nostrum	我	gratia	恩	cầu lấy chúng tôi	我
sẽ bớt sức cho kẻ có mà tội	alleviabit eum et si	Spiritus	聖	Sancti	神	ga xi a ơn phi ri tô Sang tô mà thêm	聖
Đức Chúa Trời	sit in peccatis Domino	Cura	治	languores	病	các sự yếu đuối kẻ	治

bịnh này cứ chữa để thương đến tích kẻ có các tội và tình các sự đau đớn bởi thân và xác cho khỏi mình	病	infirmi	ijtius	que	Sana	vulnera	ejus	et	dimitte	peccata	atque	capelle	Cunctos	dolores	mentis	et	Corporis	ab	eo
nó cứ lấy cả thường mà bởi sức Đức Chúa Trời ban cho nó được khỏe hại bởi ơn Đức Chúa Trời	如	que	misericor	dia	vedde	sanitatem	interius	et	exterius	plenam	ut	restituat	ope	Dei	misericor	dia	tua		
Chúng tôi phải cầu nguyện	為	orenus																	

Đức chúa mọi ở cùng bay	主與爾同在	Dominus vobiscum
thầy cả	司鐸	Sacerdotum
cùng	與	et
linh hồn	靈魂	Spiritu
mình	爾	tuo
chúng tôi phải cầu nguyện	我們當求願	oremus

lạy Đức chúa mọi	主求垂聽我們	Domine
hãy nghe lời tôi cầu xin	主求垂聽我們之祈禱	exaudi nostram orationem
thưa cùng	與	et
con	子	Filio
giữ	保	conservet
tôi	我	nos
khỏi	脫	a
mặt	面	facie
kẻ	敵	inimici
thù	仇	nostri

lạy Đức chúa mọi hãy ở cho kẻ	主求垂聽我們	Domine esto
giữ	保	custos
nhà	堂	turris
thấp	塔	fortitudinis
có	有	habentibus
sức mạnh	力量	
thưa	與	et
cùng	與	et
con	子	Filio
kẻ	敵	inimicus
giữ	保	conservet
cùng	同	nos
tra	查	apponat
tay	手	manum
mà	而	nocere
làm	害	ei
hại	害	
kẻ	敵	
xin	求	quaesumus
cho	垂	Domine
thứ	恕	nobis
chẳng	不	omnia
Đức	德	
ích	益	
gì	何	
trao	授	tribuere
kẻ	敵	
ấy	彼	

lạy Đức chúa mọi hãy nghe lời tôi cầu xin	主求垂聽我們之祈禱	Domine exaudi nostram orationem
thưa	與	et
cùng	與	et
xin	求	petamus
cho	賜	
tiếng	聲	vocem
tôi	我	nostram
kêu	呼	clamor
vun	求	veniat
đến	到	ad
cùng	與	te
ngài	爾	

lạy	主	Domine
Đức chúa	天	Deus
Đấng là	是	qui
Kẻ	人	per
đã	已	
dung	容	
ơn	恩	
thánh	聖	
ja	加	Jacobum
Co	哥	
bê	伯	
đầy	滿	Apostolum
tớ	僕	
ngài	爾	tuum
mà	而	Loquutus
phán	言	
rằng	曰	
có	有	
ấy	彼	
trao	授	
tôi	我	
phải	當	in
liệt	列	
chẳng	不	Vobis
những	諸	
phép	法	
Fam	方	
Sa	撒	indicat
Se	西	
ra	拉	presbyterorum

Đức chúa mọi ở cùng bay	主與爾同在	Dominus vobiscum
Đấng	主	Qui
là	是	
Kẻ	人	per
đã	已	
dung	容	
ơn	恩	
thánh	聖	
ja	加	Jacobum
Co	哥	
bê	伯	
đầy	滿	Apostolum
tớ	僕	
ngài	爾	tuum
mà	而	Loquutus
phán	言	
rằng	曰	
có	有	
ấy	彼	
trao	授	
tôi	我	
phải	當	in
liệt	列	
chẳng	不	Vobis
những	諸	
phép	法	
Fam	方	
Sa	撒	indicat
Se	西	
ra	拉	presbyterorum

do	由	
te	賜	
ghe	到	
ji	後	
đến	來	
mà	而	
cầu	求	
cho	垂	
Kẻ	人	
ấy	彼	
và	與	et
lấy	以	orent
dầu	油	
xức	式	
Kẻ	人	
ấy	彼	
nhân	因	
tên	名	
Đức	德	
chúa	主	
mọi	眾	
và	與	et
mọi	眾	
Kẻ	人	
có	有	
Đức	德	
tin	信	

		Ecclesiae
		Super
		cum
		oleo
		ungentes
		eum
		in
		nomine
		Domini
		et
		Fidei

lay Đức chúa blời hãy sai cho kẻ ấy giúp bổi nhà thánh thầy cùng giữ kẻ ấy Si on	祇 主 者 矣 朱 凡 人 扶 要 圧 聖 祇 主 者 矣 傳 凡 人 要 樓 區	Domine mitte ei auxilium de Sancto et tuere eum de Sion
hãy cứu lấy tôi tớ ngài	救 祇 伶 昊	Salvum fac Servum tuum
thầy Đức chúa Deo tôi là kẻ trông cậy người	祇 主 者 昊 凡 羅 名 昊	Deus meus Sperantem in te
cha chúng tôi vân vân	吒 公 符 云	Pater noster etc.
và đừng để vân vân	帝 符 原 云	et ne induas etc.
bèn chúa chúng tôi vân vân	主 助 公 符 云	Sed libera nos etc.
Đức chúa blời thương xem	分 主 者 伶 祇	Christe eleison
chi xi tô thương xem	基 祇 吹 苏 伶 祇	Christe eleison
Đức chúa blời thương xem	分 主 者 伶 祇	Kirie eleison

vì phép xức dầu thì này cùng Đức thường xót phát nhân lành ngài xin Đức chúa blời cho mình các sự đã phạm về cùng lòng vui vẻ chịu gì	爲 法 式 油 者 仁 者 分 主 者 昊 凡 人 者 昊 原 名 昊 凡 罪 名 昊 凡 罪 名 昊 凡 罪

vi	爲	Per
phép	法	unctionem
xức	油	
dầu	圣	Sanctam
thánh	石	ijtam
nay	共	
cùi	分	miſericor
Đức	怜	diam
thường	吗	
xót	保	piiſimam
lắt	仁	
nhân	矣	Suam
lành	尋	
ngài	與	Dominus
xin	主	
Đức	爭	indulgeat
chúa	赦	
mọi	罪	tibi
tha	命	
cho	各	quidquid
mình	己	
các	犯	deliquiſti
sự	罪	per
dã	跟	delegium
phạm	目	
về	犯	per
tay	罪	tectum
đã	瑟	
chớ	目	
gì	之	Amen

vi	爲	Per
phép	法	unctionem
xức	油	
dầu	圣	Sanctam
thánh	石	ijtam
nay	共	et
cùi	分	miſericor
Đức	怜	diam
thường	吗	
xót	保	piiſimam
lắt	仁	
nhân	矣	Suam
lành	尋	
ngài	與	Dominus
xin	主	
Đức	爭	indulgeat
chúa	赦	
mọi	罪	tibi
tha	命	
cho	各	quidquid
mình	己	
các	犯	deliquiſti
sự	罪	per
dã	吞	guſtum
phạm	目	et
về	吟	loquutione
miệng	咨	
nói	吶	
chớ	隨	Amen
gì	之	

vi	爲	Per
phép	法	unctionem
xức	油	
dầu	圣	Sanctam
thánh	石	ijtam
nay	共	et
cùi	分	miſericor
Đức	怜	diam
thường	吗	
xót	保	piiſimam
lắt	仁	
nhân	矣	Suam
lành	尋	
ngài	與	Dominus
xin	主	
Đức	爭	indulgeat
chúa	赦	
mọi	罪	tibi
tha	命	
cho	各	quidquid
mình	己	
các	犯	deliquiſti
sự	罪	per
dã	跟	auditum
phạm	目	
về	聽	
tai	聽	
nghe	聽	
chớ	隨	Amen
gì	之	

vi	爲	per
phép	法	unctionem
xức	油	
dầu	圣	ijtam
thánh	石	et
nay	共	miſericordiam
cùi	分	
Đức	怜	piiſimam
thường	吗	
xót	保	Suam
lắt	仁	
nhân	矣	Dominus
lành	尋	
ngài	與	indulgeat
xin	主	
Đức	爭	tibi
chúa	赦	
mọi	罪	quidquid
tha	命	
cho	各	deliquiſti
mình	己	per
các	犯	
sự	罪	
dã	跟	
phạm	目	
về	眼	
con	眼	
mắt	眼	
seem	眼	
chớ	隨	Amen
gì	之	

ti	卑	Confeſſorii
ni	錢	
Con	昆	
phê	孤	
So	孤	
ni	孤	
các	孤	
ngài	孤	
tuổi	孤	Virginum
trinh	孤	
cùi	孤	atque
các	孤	omnium
thánh	孤	Sanctorum
lành	孤	
một	孤	Simul
cầu	孤	invocatione
xin	孤	
chớ	隨	Amen
gì	之	

Kính	經	Kinh	Con
Con	況		
phi	況	phi	phi
te	乎	te	te
a	乎	a	a
r	乎	r	r
cũ	乎	cũ	cũ
mi	乎	mi	mi
Je	乎	Je	Je
pi	乎	pi	pi
a	乎	a	a
ta	乎	ta	ta
r	乎	r	r
vẽ	乎	vẽ	vẽ
pu	乎	pu	pu
l	乎	l	l
gien	乎	gien	gien
xi	乎	xi	xi
am	乎	am	am
Đã	乎	Đã	Đã
cát	乎	cát	cát
nghĩ	乎	nghĩ	nghĩ
Về	乎	Về	Về
đuã	乎	đuã	đuã
lễ	乎	lễ	lễ
mi	乎	mi	mi
Sa	乎	Sa	Sa

Kính	經	Kinh	Con
Con	況		
phi	況	phi	phi
te	乎	te	te
a	乎	a	a
r	乎	r	r
cũ	乎	cũ	cũ
mi	乎	mi	mi
Je	乎	Je	Je
pi	乎	pi	pi
a	乎	a	a
ta	乎	ta	ta
r	乎	r	r
vẽ	乎	vẽ	vẽ
pu	乎	pu	pu
l	乎	l	l
gien	乎	gien	gien
xi	乎	xi	xi
am	乎	am	am
Đã	乎	Đã	Đã
cát	乎	cát	cát
nghĩ	乎	nghĩ	nghĩ
Về	乎	Về	Về
đuã	乎	đuã	đuã
lễ	乎	lễ	lễ
mi	乎	mi	mi
Sa	乎	Sa	Sa

nhân	因	in	per
danh	名	nomine	omnia
cha	父	Patris	Sanctorũ
và	與	et	Angelorũ
Con	子	Filii	
và	與	et	Patriarcha=
phi	非		rum
pi	等	Spiritu	
Sang	聖	Sancti	
tô	神		
Sang	共	omnis	
xin	求		
cho	為		
các	各		
Sức	力	Virtus	
giữ	守	Diaboli	
tất	滅	extingua=	
di	除	tur	
trào	潮		
minh	明	in	
vì	為	te	
tay	手	per	
chúng	我	manum	
tôi	等	nostrarum	
đặt	設	impositio=	
đến	到	nem	
cũ	古	et	

bởi	蒙	de	Prophetarum
mà	賜	coelis	
xướng	自	qui	
gin	天		
giữ	護	custodiat	
phù	佑		
thì	扶	Jovet	
phù	持		
hộ	扶	protegat	
thăm	保		
viếng	護	visitet	
cũ	永		
của	遠	atque	
kẻ	世		
các	代	Defendat	
kẻ	各	omnes	
ở	凡		
ở	所	habitantes	
trào	住		
nay	之	in	
nay	地	tabernacu=	
bởi	以	loc. lo=	
chi	基	per	
xi	督	Christum	
tô	我		
chúa	必	Dominum	
chúng	主		
tôi	公	nostrum	
cho	行		
gì	傳	Amen	

lấy	祈	Domine	Deus in Sæcula Sæculorum
chúa	主		
thì	眞	Sancte	
là	眞		
cha	父	Pater	
có	天		
phép	主	omnipotens	
tô	宰		
cũ	萬		
cũ	物		
là	世		
Đức	世	Deus	
hằng	恒		
có	永	aterne	
tô	永		
cũ	永		
hãy	求		
nghe	垂	exaudi	
chúng	聽	nos	
tôi	我		
cũ	等	et	
làm	為		
ơn	恩	dignetur	
sai	賜	mittere	
thì	遣	Sanctũ	
thiên	天		
thần	神	Angelum	
ng.	聖	tuum	

chúa	主	Deus	
Đức	眞	in	
Đời	世	Sæcula	
Đời	代	Sæculorum	
chiu	降	Amen	
gì	之		
chúng	衆		
tôi	行		
phải	降		
cầu	求	oremus	
ngiện	願		

ôc	恭	dignetur
giữ	護	custodire
nó	他	eos
khỏi	跨	
mình	龕	
ở	主	tabernaculo
nơi	代	
này	代	hoc
là	代	
kẻ	代	qui
sống	代	vivit
và	等	et
trị	及	regnat
cùng	英	cum
cha	汪	Patre
và	吁	et
j		
thì	吁	Spiritu
ni	主	
tô	後	
sang	并	
tô	山	Sancto
cùng	等	
là	接	
	等	

cùng	英	
thuở	符	avertat
các	尔	omne
kẻ	几	
có	法	
phép	逆	potestas
nghịch	朱	contrariae
cho	愚	
khỏi	几	ab
kẻ	又	
ấy	叩	eis
và	教	
cứu	几	recipiat
kẻ	又	
ấy	朱	eos
cho	愚	
khỏi	尔	ab
các	尔	omni
sự	卓	
lo	等	formidine
sợ	等	
và	等	et
khỏi	愚	
các	尔	ab omni
sự	卓	
hồn	隔	perturba
loạn	隔	tione
cùng	英	
làm	尔	ac

ôc	尔	in
trao	卑	
nó	奴	eo
cùng	英	et
ban	班	det
cho	朱	
kẻ	几	eis
ấy	又	
một	仁	
thiên	天	
thần	神	Angelum
lành	爻	bonum
giữ	護	
gìn	他	custodem
và	等	et
làm	代	faciat
cho	等	
kẻ	几	eos
ấy	又	
làm	朱	
tôi	符	Servire
ngài	卑	Sibi
mà	并	ad
suy	祖	Considerandum
những	仍	
sự	了	mirabilia
lạ	英	
vời	朱	de
đạo	四	lege
ngài	卑	Sua

cùng	英	et
xin	愚	deprecemur
chúa	主	Dominum
chúng	尔	nostrum
tôi	符	
Đức	主	Jesum
Jesu	秋	
chi	基	Christum
ni	後	
xi	吳	
tô	并	
chúa	主	Dominum
chúng	尔	nostrum
tôi	符	
cầy	祝	
phép	法	benedicendo
bênh	迎	
sáo	双	
mà	帝	
làm	尔	
phép	法	benedicat
nay	代	
ở	於	
nơi	代	tabernaculo
cùng	英	hoc, cum
các	尔	et omnes
kẻ	几	habitantes
ở	安	

Đức	主	
Jesu	秋	
là	基	
đấng	後	ej
thánh	吳	Sanctus
và	并	
nhân	主	
lành	代	vivit
và	等	et
hằng	恒	permanet
có	法	
cùng	英	cum
cha	吒	Patre
và	等	et
phi	主	
ni	後	
tô	并	Spiritu
sang	山	
tô	并	Sancto
đời	代	in
đời	代	Saecula
		Saeculorum
chiếu	隔	Amen
gì	之	
chúng	尔	
tôi	符	
phải	卑	oremus
cầu	求	
nghĩa	義	

trên	上	Super
chúng	尔	nos
tôi	符	
cùng	英	et
làm	爲	
phép	法	benedic
bênh	迎	
sáo	双	
cho	朱	
chúng	尔	nostre
tôi	符	
cùng	英	Conservatione
nhiều	多	
cùng	英	
làm	爲	
cho	朱	
chúng	尔	nostre
tôi	符	
là	代	
kẻ	代	humilitatis
đã	已	
vào	入	ingressum
nên	爲	
thánh	聖	Sanctifica
tôi	吳	
Đức	主	qui
chúa	主	

Sự bình an thì ở cùng và các sự giữ thì bỏ nhà này lấy Đức chúa mình hay làm cho tên thánh ngày sáng ra	pacis adsint que omnis malegna disordia Deserat Domum hanc Domine nomen Sanctum tuum magnifica	Có vô cùng Đức Cao nhà này sự những gần đến dạn thì chạy cho khỏi chốn này mà hai thiên thần hay cầm	introeat Domum hanc demonum accessus effugiat ex loco hoc Angelis	Lộc phước Đức chúa blời cùng sự vui vẻ bằng phẳng và phần ta hay sinh ra chiều blời việc lành cùng sự khốn nhọc hằng	properitas Domini letitia charitas fructuosa Sanitas Sempiterna

lấy Đức chúa chi xi tô khi chúng tôi lại kể hèn biết gần đến nhà nhà thì xin cho phúc sống đời vô cùng và	Domine Jesu christe sub nostre humilitatis ingressu felicitas vita aeterna	Đức chúa blời ở cùng vợ bay nhà ở cùng linh hồn ngày chúng tôi phải nghiêm	Dominus cum vobis et cum spiritu tuo oremus	Sức mình giúp chúng tôi ở nhân tên Đức chúa blời thiên là kể dựng nên blời và đất	adjutorium nostrum in nomine Domini qui fecit caelum et Terram

Deus	天主	là chúa Đeo cho đến các đời đời
per	把	
omnia	事	
Saecula	各	
Saeculorum	代	
Amen	隨之	chở gì

	求	thế tà phải giữ Khi làm phép xức Dầu thánh
	所	
	信	
	敬	
	的	
	法	
	式	
	油	
	聖	

Pax	平安	hòng an cho nhà này
Domui	歸	
huic	此	
et	與	thừa các kẻ ăn ở trao đó
omnibus	諸	
habitanti	居	
in	此	
ea	者	

Domine	祂主	lạy chúa thế là cha có phép vô cùng là Đeo hằng có vô cùng tôi lấy thật thì mà xin cho am blai chúng tôi
Sancte	聖	
Pater	父	
omnipotens	大	
	能	
	永	
Deus	世	
aeterne	祂	
	求	
	天	
	父	
	行	
	恩	
	良	
Fideliter	真	
	實	
	并	
	庶	
	真	
	實	
	求	
	求	
	庵	
	騰	
	公	
	行	
deprecamur	求	
te	求	
ut	求	
fratri	庵	
nostro	騰	

Vel	或	hay là am gái chúng tôi
Sorori	庵	
nostre	騰	
	公	
	行	
	為	
	歌	
	良	
	祕	
	而	
	多	
	天	
	教	
	等	
	徒	
	天	
	主	
	耶	
	穌	
	基	
	督	
	的	
	兒	
	子	
	我	
	們	
	的	
	主	
	耶	
	穌	
	基	
	督	
	的	
	益	
	處	
	并	
	我	
	們	
	的	
	兄	
	弟	
	騰	
	公	
	行	

Corpori	肉	xác và phần linh hồn mà nên thuốc thiêng liêng là Kẻ sống và trị cùng một Thánh Thần
quam	常	
anime	并	
ad	天	
remedium	主	
	耶	
	穌	
	基	
	督	
	的	
	聖	
	神	
	與	
	父	
Sempiternum	永	
	遠	
	常	
	在	
	的	
	神	
	一	
	同	
	為	
	一	
	位	
	天	
	主	
	的	
	聖	
	神	
	與	
	父	
	并	
	子	
	一	
	同	
	受	
	敬	
	拜

Đức chúa mình ở cùng bạn	Dominus cum vobis	
thầy	et	
linh hồn người	spiritu tuo	
chúng tôi phải cầu nghiện	oremus	
giữ mình cho khỏi kẻ thù giữ của dần đến nơi hằng sống và cõi	te ab hoste malligno et in perducat vitam aeternam	
chớ gì	Amen	
anh	Frator	
bởi hay là em gái hãy chịu lấy của ăn đừng mình	vel Soror accipe viaticum Corporis	
Jesu chi ri xi tô chúa chúng tôi giữ linh hồn mình cho Đức Chúa Trời vô cùng	Jesu Christi Domini nostri Custodiat animam tuam Deum vitam aeternam	
chớ gì	Amen	

lay Đức chúa mình tôi chẳng đáng vào dưới cái trần nhà mà chỉ nói một lời thì linh hồn sẽ đã tôi xin mình	Domine non sum dignus ut intres sub tectum sed tantum dic verbo et sanabitur anima mea Corpus	
Jesu chi ri xi tô là chúa chúng tôi giữ linh hồn mình cho Đức Chúa Trời vô cùng	Christi Domini nostri Custodiat animam tuam Deum vitam aeternam	
chớ gì	Amen	
này là con chiên chúa Đấng	ecce agnus Dei	
này là kẻ cất các tội thế gian	ecce qui tollit peccata mundi	

Kinh Cơc phi te o ỵ mi Se ri a tu ỵ in du gien xi am Đả Cát nghĩa về đầu lễ	次序欺朱得此呂礼 thứ tự khi cho người ta chịu lễ	將見空甲身下肩穩後空罪下甲田氣次覺色圍不求頭礼
		Sa và phần thưởng và sự sống vô cùng
		朱 哩 牙 而 當 而 可 對 與 勞
		chờ ji
		度 Amen
		Cùc các thứ và các sự lành mình sẽ làm cùc các sự mình sẽ chịu nên ơn cho mình được khỏi các tội cùc ga ra
		勞 各 事 中 各 可 養 而 在 內 共 各 可 奉 而 仕 內 卒 忠 生 而 將 增 各 各 共 與 階 恩
		et minimum Sanctorum quidquid bonī facere et malī sustinuerij Sit tibi in remissionē peccatorū augmentū gratiæ

xin cho các sự hồn nạn Jesu chi xi tô chúa chúng tôi đã chịu các công nghiệp thánh mà ji a blon đời đời trinh	真 朱 各 事 圍 難 共 秋 暮 殘 又 林 主 不 矜 迎 已 各 功 策 聖 碧 後 空 蒼 民 事 在 後 蒼 山 蒼	Ratio Jesu Christi Domini nostri meritis beatæ Mariæ Semper Virginis
chiều và hai ta giải tội, cho mình khỏi những tội mình nhân danh cha và con và phi ri tô Sanctô	咯 辰 共 又 些 解 而 生 命 恩 仍 而 而 命 因 各 吃 事 民 事 在 後 蒼 山 蒼	Deinde ego absolvo te ab peccatis tuis in nomine Patris et Filii et Spiritus Sancti Amen
Scomu Su bên sau và in te ỵ Đức tô cho nên phép Ta Đức bảo chiếu và mình mạc bảo	學 必 謙 戒 秋 事 迎 双 事 甲 甲 下 物 蒼 朱 今 法 些 敬 特 色 將 事 命 奇 色	excomunicationis Suspensionis et interdicti in quantum passum et tu indiges

Sou đời đời	到代	Divay Saecula Saeculorum	
thuá chò gì	陡陌之	兎 Amen	
mò hãy để bằng ân và Đức chúa mbi ở cùu mình	某受某牙安等月主牙更爰命	N. vade in perce et Dominus sit cum te	
thuá chò gì	陡陌之	兎 Amen	
Sé đến cùu lấy mình thì mình Được ra	仕且娘祇命外命特	venerit ad nuptias posis	
nỹ làm một cùu các thông trên cùu đàng thiên đàng và mình Được	紫綛亭石民共	accurrere ci una cum omnibus Sanctis in aula celesti que habeas	
Sóu vô cùu và	奏亭安等月主牙更爰命特對兵牙	vitam aeternam	

hãy chịu lấy Sói Sóng và đức phép rửa tội mình cho Khỏi Cũng phải	爰巨祇	accipi	Huipe
	烟刃	lanyadem	Vestam
	帝	ardentem	Candidam
	倖	et	quam
	法	custodi	perferas
	医	baptismum	immaculata
	亦	tuum	ante
	毋		tribunal
	巴		Jesu
	盤		Christi
	倖		Domini
	果	irreprehensibilis	nostri
	責		ut
	爰		habeas
	倖		vitam
	各		aeternam
	朝海		amen
trách hãy để các đều răn chúa Deo cho đến khi chúa	主	Serva mandata Dei ut cum Dominus	
	眺		
	毋		
	且		
	數		

xin chúa chúng tôi Jesu chi ri xi tô giải tôi cho mình và hại ta lấy phép ng. mà giải cho mình Khỏi các của e	爽主爰倖爰秋基祇受某解某命展爰巨祇法是十為解某命巴對爰	Dominus noster Jesu Christus absolvat te et ego auctoritate ipsius absolvo te ab omnibus vinculis	
Kính mi Se re a tu n và Kính in Du l gien Si am ta Đức cùu nghĩa Về đầu lễ	特用穆祇亞訳卜中特印由神穆祇此亞到爰巨頭礼	mỗi giải tội	刑解罪
Sóu đời đời	對代	Divay Saecula Saeculorum	
thuá chò gì	陡陌之	兎 Amen	

Sự bình an cho mình	事平安與	pax tibi	Jesu Christo Domino nostro	耶穌基督我主	
thuộc	屬				
và cùng linh hồn người	與靈魂	et cum Spiritu tuo			
			thuộc chúa	屬主	Amen
			gì	之	

Sang tô cũ là Kẻ đã ban ơn tha các tội cho mình xin ngưng đầu chịu mà mọi sự lành mà xức mình nhân một	以聖膏	Sancto que dedit remissionem omnium peccatorum tibi ipse Christiunate Salutij linio te in eodem			

chúa Đấng có phép vô cùng là Cha Jesu chúa chúng tôi là Kẻ đã sinh mình hai bởi nước và phép rửa tô	主	Deus omnipotens Pater Jesu Christe Dominus noster qui regenerat te ex aqua et Spiritu	mô vì phép cho có phép rửa tội thì tao rửa mày	某	n. Si no non es baptizatus ego baptiza te
			vân vân	云云	
			mô tao rửa mày nhân danh Cha và Con và phép rửa tô	某	n. ego te baptizo in nomine Patris et Filij et Spiritus Sancti

mô	某	R.
có	有	Qui
muốn	願	
chịu	受	
phép	法	baptizari
rửa	洗	
tội	罪	
chúng	衆	
thuả	辣	R
tôi	行	Volo
muốn	願	

Sống	生	resurrectionem
lại	復	
xác	躯	
thực	實	Carnis
sự	事	
sống	活	vitam
vô	無	
cùng	窮	aeternam
chẳng	不	
thuả	辣	R
tôi	行	Credo
tin	信	

Có	有	Credi
tin	信	
có	有	in
phép	法	Spiritum
rỉ	聖	
tô	徒	
Sang	聖	Sanctum
thánh	神	
i	一	Ecclesiam
ghê	教	
rỉ	會	
ja	加	Catholicam
hạp	合	
mọi	万	
nơi	国	
chiên	天	
hạ	下	
sự	事	Communionem
thuộc	通	
cầu	功	
các	公	Sanctorum
thánh	聖	
phép	法	
tha	赦	remissionem
các	各	peccatorum
tội	罪	
sự	事	

Có	有	Credi
tin	信	
có	有	in
Jesu	耶	Jesum
chi	基	
rỉ	督	Christum
xi	救	
tô	世	
là	主	
một	一	Filium
con	子	
ng.	之	ejus
chúa	主	Dominum
chúng	衆	nostrum
tôi	我	
Đã	已	
Sinh	生	natum
ra	出	
Cùng	與	et
chịu	受	passum
nạn	難	
chẳng	不	
thuả	辣	R
tôi	行	Credo
tin	信	

mô	某	R.
có	有	in
tin	信	credij
Đe	地	Deum
có	有	
phép	法	Patrem
vô	無	
cùng	窮	omnipotentem
là	為	
Kẻ	凡	
dựng	造	Creatore
nên	成	
mọi	万	coeli
đất	地	et
chẳng	不	terre
thuả	辣	R
tôi	行	Credo
tin	信	

Ta	我	ego
lấy	以	
dầu	油	oleo
một	一	Salutis
sự	事	
linh	靈	
mà	而	linio
xức	塗	
mình	身	te
nhân	因	in
chi	基	
rỉ	督	Christo
xi	救	
tô	世	
Jesu	耶	Jesu
chúa	主	Domino
chúng	衆	nostro
tôi	我	
cho	令	ut
mình	身	habeas
Đặng	得	
sống	活	vitam
vô	無	
cùng	窮	aeternam
thuả	辣	R
cho	隨	
gì	之	Amen

Cùng 共 et	Xét 審判 judicio	e 收 applicta
Các 各 omnibus	mà 而	phe 而此仗
việc 役	Đấng 聖	ta 役 quod
nó 牧	đến 至	là 是 est
chúng 衆 ejus	gần 近 appropinquavit	hay 受
		mà 為 adaporire
		ra 與
thừa 陪	mà 而 in	vì 巧
tôi 行	có 有	mùi 味
bỏ 補 abrenuncio	bỏ 補 abrenuncia	thơm 香 adorem
	của 之	thơ 牧
	giới 誡 Satanæ	ên 獻
	chúng 衆	ai Suavitatis
và 與 et		bằng 香 autem
các 各 omnibus		mà 而 tu
Sự 之	thừa 陪	ở 在
sung 勝		giữ 天 diabolo
trào 魔 pompis		hay 哭
nó 牧	tôi 行 abrenuncio	chạy 鬼 effugere
chúng 衆 ejus	bỏ 補	đi 以
		vì 如 enim
thừa 陪		chúng 魔
		chúa 隨
tôi 行		Dae 主 Dei
bỏ 補 abrenuncio		chúa 眞
		Deo

trào 中 in	Kẻ 凡 quos	Là 畏
mình 而	chúa 主 Dominus	chúa 主 Domini
Ho 收 co	chúng 衆 nostri	và 帥 et
vì 巧 por	Ho 收	xét 審 judicij
một 改 eundem	Đã 已 est	chúng 衆
chi 基	ơn 恩 dignatus	tôi 我 nostri
ni 教 Christum	gọi 召 vocare	và 帥 et
xi 次	Đến 至 ad	thần 因 in
tô 主	đền 殿 templo	phép 法 virtute
chúa 主 Dominum	thờ 聖 Sanctum	S
chúng 衆 nostrum	ng. 尊 Suum	phi 聖 Spiritus
là 行	cho 令 ut	tô 教
Kẻ 凡 qui	nên 以 fiat	Sang 山 Sancti
kẻ 仕 per	đền 殿 templum	tô 教
lửa 焰 ignem	thờ 聖 Dei	cho 令 ut
mà 而 est	chúa 主 Deo	mà 而
đến 至 venturus	Sống 生 viri	Đi 出
phán 判 judicare	và 帥 et	ngày 日 diebus
Kẻ 凡	có 有	ngày 日
Sống 生 vivos	S	là 是
và 帥 et	phi 聖 Spiritus	Vật 物
Kẻ 凡	Sang 山	chúa 主
chết 死 mortuos	tô 教	Deo 眞 Dei
Cùng 共	sung 勝 Sanctus	mãn 滿
thế 世 Saculum	tô 教	là 是
gần 近		ra 與
thừa 陪		
amen		

Có các tính hiệu thế này	omnis	Spiritus
Tao làm phép trừ mày nhân danh Chúa Deo Có phép vô cùng và nhân Jesu chi xi tô Con ngài	immunde	exorcizo te in nomine Dei Patris omnipotentis et in nomine Jesu Christi Filio ejus
Có nhà chúng tôi cùng	Dominus	vobiscum
Có nhà chúng tôi xin	et	ne
chớ để chúng tôi	inducas	nos
Sa chàng cám dỗ	in	tentationem
bèn chúa chúa chúng tôi Sự dữ	sed	libera nos a malo
thừa chúng tôi	Per	Amen

ban cho chúng tôi hôm này của ăn chúng tôi quên dung một ngày Cũ tha cho chúng tôi nhường nhà chúng tôi bằng trên mình Có hay	Da	nobis hodie panem nostrum quotidianum et dimitte nobis debita nostra Sicut nos et dimittimus

cha chúng tôi cái Kẻ ở trên mình xin cho tên người nên thánh nước người cái trị đến Cũng ở dưới đất bằng trên mình Có hay	Pater	noster qui es in cœlis sanctificetur nomen tuum adveniat regnum tuum fiat Voluntas tua et in terra Sicut in cœlo
ghế vị ngài Kẻ ở một mình thiên hạ Sự thiêng Các thánh phép hà các tội Sự sống lại về xác thịt Sống vô cùng chúng tôi	Ecclesiam	Catholicam Communionem Sanctorum remissionem peccatorum resurrectionem Carnis Vitam æternam Amen

ngồi bên hữu Đức Cha có phép vô cùng bởi đấy Kẻ xét phân kẻ sống và kẻ chết tôi tin có phép ngài tôi Sang tôi thánh	Sedet	ad dexteram Dei Patris omnipotentis inde est venturus judicare vivos et mortuos Credo in Spiritum Sanctum Sanctam

chịu đóng đinh	受釘刑	crucifixus
chịu chết	受死刑	mortuus
cùng chôn táng	共葬	sepultus
đã xuống đến	降到	descendit
địa ngục	地獄	inferos
ngày thứ ba	第三日	tertia die
đã sống lại	復活	resurrexit
hại sai	害	a
trào kẻ	嘲	mortuis
chết đã lên	死	ascendit
trên mười	天	ad cœlos

là	是	qui
kẻ	凡	conceptus
có	有	
trào	朝	
cáo	告	de
mẹ	母	
bởi	因	Spiritu
phép	法	
rỉ	氣	
tô	蘇	Sancto
Sang	山	
tô	蘇	
Sinh	生	natus
ra	出	
bởi	因	ex
ma	瑪	Maria
ri	利	
a	亞	
đồng	童	Virgine
trinh	貞	
chịu	受	passus
nạn	難	
chứng	證	sub
thi	詩	
thuở	時	Pontio
thi	治	
ô	烏	
phi	匪	Pilato
lá	拉	
tô	蘇	

tôi	我	credo
tin	信	in
có	有	Deum
Đeo	主	Patrem
cha	父	
có	有	omnipotentem
phép	法	
vô	無	
cùng	窮	
là	是	
đấng	造	creatorem
chứng	證	
hiển	顯	Cœli
mười	十	
cùng	穹	et
đất	地	terræ
và	與	et
có	有	in
Jesu	耶穌	Jesum
chi	基	Christum
ri	利	
xi	斯	
tô	督	
một	一	Unicum
con	子	Filium
mà	而	ejus
chúa	主	Dominum
chúng	我	nostrum
tôi	等	

cho	等	
các	各	
thầy	師	
Dòng	教	
biết	知	
chính	正	
nghĩa	義	
thánh	聖	
tiếng	音	
ấy	之	
Vân	云	
Vân	云	

nhô	來	n.
huy	臨	
bước	臨	ingredere
trào	朝	
nhà	家	templum
thờ	祀	
chúa	主	Dei
Đeo	天	
cho	朱	ut
Đức	特	habeas
biết	分	partem
chi	基	
cùng	與	cum
ri	後	Christo
xi	來	
tô	斯	
mà	得	in
sống	共	Vitam
đời	無	æternam
cùng	窮	
thuở	願	Fiat
chớ	願	
gì	之	Amen

thánh	聖	Sancte
vậy	爲	por.
chi	基	Christu
xi	祿	
tô	史	
chúa	茅	Dominum
chúng	主	
tôi	衆	nostrum
thỉnh	請	Q
chúa	陛	
gì	恩	Amen

chịu	受	
ơn	將	
xá	恩	gratiam
xá	赦	
trào	亞	
phép	中	
rửa	陸	baptismi
tội	罪	
ngì	者	tui
cho	朱	
có	東	teneat
đức	乎	
kẻ	忌	Spem
cho	朱	
kẻng	弟	fratrum
trí	徒	
liệu	智	consilium
cho	朱	
phải	所	
mlẽ	理	rectum
và	當	et
dậy	代	
mlỗi	創	doctrinam
đỗ	杜	
sự	事	

soi	畑	illumina
sáng	州	re
nó	奴	illum
hầy	吳	
làm	白	
cho	毋	
nó	奴	eum
sạch	阮	munda
cả	英	et
nên	乎	
thánh	聖	sanctifica
hầy	吳	
ban	班	da
cho	朱	
nó	奴	ei
trí	智	scientia
sáng	州	
cho	朱	
biết	別	
sự	事	
thật	實	verem
cho	朱	ut
đoái	特	effectu
bằng	平	
ngì	者	
đứng	當	dignus

lành	癸	
hằng	恒	
có	古	eternam
vô	無	
cùng	窮	
và	常	ac
rất	常	
cầu	求	justitiam
bằng	平	
ngì	者	tua
vì	爲	super
nó	其	n.
mầy	伦	sunt
là	吳	
tôi	衆	famulus
tớ	仕	
ngì	者	tuum
mà	而	ut
xin	求	
làm	爲	
ơn	恩	dignetur
lấy	恥	
sự	事	
sáng	州	lumine
thường	上	
trí	智	intelligentiæ
ngì	者	tuæ
mà	而	

lậy	祖	Domine
chúa	主	
thánh	聖	Sancte
là	芒	
cha	吏	
có	古	
phép	法	omnipotens
vô	無	
cùng	窮	
là	吳	
chúa	主	Deus
Đeo	概	
hằng	恒	
có	古	æterne
vô	無	
cùng	窮	
là	吳	
đấng	等	auctor
đương	當	
nên	乎	
sự	事	
sáng	州	luminis
cả	英	et
sự	事	
thật	實	veritatis
tôi	衆	
cầu	求	deprecor
cùng	共	
chân	斤	victatem
đức	仁	

chi	基	Christum
xi	祿	
tô	史	
là	茅	Dominum
chúa	主	
chúng	衆	nostrum
tôi	衆	
thỉnh	請	Q
chúa	陛	
gì	恩	Amen
chúng	衆	
tôi	衆	oremus
phải	所	
nguyện	願	

Khối	喝	ab	
nhà	果	hoc	
này là	尼	nos	
kẻ tôi	果	samulo	
tớ Đức	凡	Dei	
chúa mình	行	quia	
vì chúng	使	Deus	
chúa Đeo	爲	et	
và chúa	主	Dominus	
chúng tao	帝	noster	
Iesu	及	Iesus	
chi ki	支	Christus	
xi tô	扶	eis	
đã làm	基	dignatus	
ơn.	尼		

gọi	骨	Vocare	
mình	尼	ipsum	
này đến	且		
cùng	共	Sibi	
mình	帶	ad	
chịu các	且		
	各	Sanctiam	
	歌		
	哭	gratia	
	丑		
	呈		
ơ.	帶	et	
và phép	法		
bền	迦	benedixit	
Sao	凡		
và	帝		
Khối	落		
rửa	陪	baptigma	
mình	尼		
tới	尾	et	
và	吏		
lại đến	到	Signum	
Câu	拘	Cruci	

thật	笑	vero	
hãy	吳		
những	果	da	
phần	尼		
Kính	敬	honorem	
cho	朱		
Iesu	支	Iesu	
chi	扶		
ki	基	Christo	
tô	後		
Con	吳		
ơ.	弐	Filio	
và	弐		
phi	共	et	
ki	山		
tô	芬	Spiritui	
Sang	保		
tô	吳	Sancto	
mà	吳		
hãy	朱		
đi		recede	
cho			

vì	吳	ergo	
Cậy	弐		
ơ	弐		
qui	吳	Diabole	
là	弐		
đã	吳	maledicte	
giữ	弐		
hãy	吳	recognosce	
lấy	弐		
mình	吳		
ran	吳	Sententia	
xét	吳		
mà	吳	tua	
cho	吳		
hãy	吳	et	
những	吳		
phần	吳		
Kính	吳	da	
và	吳		
chúa	吳	honorem	
Deo	吳		
Sống	吳	Deo	
và	吳		
	等	vivo	
		et	

bao	比	ambulavit	
đi	多		
hai	比		
trên	吳	Supra	
mặt	吳		
bể	吳	mare	
cả	吳		
đã	吳	et	
tay	吳		
cho	吳	perexit	
mặt	吳		
phế	吳		
tô	吳	dixtram	
Đức	吳		
Chúa	吳	Petre	
đâm	吳		
	吳	mergente	

BIBLIOTHECA NACIONAL DE LISBOA

Sang chúa chúng tôi	苏主我们	Dominum nostrum	
Thua cho gì	陈情之	Huen	
Tính thiêng phà	性声伊兴	Spiritus	
Dậy tao làm	为造作	immunde	
Phép trừ	法除	exorcizo	
Mày nhân	胃因	te in nomine	
Danh cha	名父	Patris	
Và con	及子	et Filii	
Và phi	及非	et	
Tô sáng	苏圣	Spiritus	
Tô cho	苏为	Sancti	
Mày đi	胃去	ut	
Khỏi	岸	exeas	
Và đi	及退	et	
Cho	岸	recedas	
Khỏi nó	岸	ab	
Mày	胃	a-	
Cái tôi tạ	箇吳	tioc	
Chúa	主	famulo	
Deo	陡	Dei	
Vì	为	enim	
Chúng	为	ipse	
Kẻ dậy	吳	imperat	
Mày	胃	tibi	
Đã	已	maledicte	
Đã phép	已法		
Chịu tội	受罪	damnate	
Cái	箇		
Kẻ	吳	qui	
Đã	已		
Lấy	取	pedibus	
Chân	真		
Mà	林		

Phò	伊	esurire	
Đối	对		
Lâu	楼	diutius	
Hơn	昨		
Nữa	女		
Cho	朱	quamvis	
Nó	奴		
Đeo	特	expleatur	
Những	仍		
Của	貝		
Ăn	安	cibus	
Thiên	天		
Đàng	堂	caelestis	
Ấy	人		
Là	吳	quaterus	
Cho	朱		
Nó	奴		
Đeo	特	Sit	
Cầu	美		
Sốt	帝	Spiritus	
Miên	魁		
Mãi	買	servans	
Cứ	安		
Trau	毫	Semper	
Dồi	吳		
Cho	朱	spe	
Cui	亞		
Cao	美		
Và	呻	gaudens	
Làm	为		
Tôi	行	Servient	
Tạ	佐		
Tên	先	Nomini	
Ngài	吳	tuo	
Mãi	買	Semper	
Lấy	祇		
Đức	为	Domine	
Chúa	主		
Mọi	奉		
Chúng	为		
Tôi	从		
Xin	行	quaesumus	
Hãy	奥		
Đuổi	浯	perdue	
Nó	兎		
Đi	叹	eum	
Đến	昆		
Mọi	昆	ad	
Nơi	昆		
Của	昆		
Tội	罪	lavacrum	
Cho	为		
Được	得		
Sinh	生	regenera	
Hai	夫		
Mãi	買	nove	
Mãi	買		
Cho	为	ut	
Đừng	弟		
Chịu	受	mercatur	
Lấy	祇		
Phần	为	consequi	
Các	各		
Thiêng	吳	promis	
Và	及		
Cùa	貝	aeterna	
Như	如		
Mọi	奉		
Ngài	吳	tuarum	
Đã	已		
Hứa	許	promissionem	
Cùa	貝		
Các	各	cum	
Kẻ	吳		
Tin	信	fidelibus	
Ngài	吳		
Vì	为	tui	
Chúa	主	per	
Mà	为		
Xin	行	Christum	

Cáo cảnh mà làm ơn trao xem mối mầy cả tôi tạ ơn cùng dâng cho nó cả kẻ mỗi nên của ăn muối mầy	告令命必悉意祝其信眾所於事為事以眾凡賞信敗此為之 propitiny / digney / n. / sunt / famulis / tuum / et / non / permittly / primam / gustantem / patulum / Saly / hoc	Dầy chúa Đeo tổ tiên chúng tôi cùng là Đeo Đấng nên các sự thật thì chúng tôi lấy cáo khiêm nhường mà xin ngài lấy	祝主映祖先众所芳異映迈乃帝卷丁实世众所祝天寫祝愛之 Deus / Patrum / nostrorum / Deus / Conditor / universae / veritatis / Supplices / rogamus / et / ut
Sự bằng ơn ở cùng mình	事平安共命	Pax / cum / te	
thừa	疎	R	
và ở cùng linh hồn ngài	常共灵魂	et / cum / Spiritu / tuo	
chúng tôi phải nghiêm	衆所而願	oremus	

nó hay chịu lấy muối thường thì cùng xin cho nó làm ơn cảnh cho mình Được sống và cùng	果咲日祝塩上習生咲未明所為未命持封無穷 n. / accipe / Salem / Sapientiae / Sit / propitiatio / tibi / in / vitam / aeternam	là chúa chúng tôi là kẻ ngày sau kẻ lấy lửa mà phán xét kẻ sống và kẻ chết và thế gian thừa chúa gì	眾主众所眾凡事主仕祝焜帝旦判寂帝凡對眾凡初事世昏疎 Domini / nostri / qui / per / ignem / veturus / judicare / vivos / et / mortuos / et / Saeculum / R / Amen
thừa chúa gì	疎 信之	R / Amen	

thuốc tối cảnh mọi đấng cho các kẻ chịu lấy cùng bền mãi trao một kẻ lấy danh nhất Jesu chúa ngài lấy	果卒岑皆春果凡凡見祝共杜買中膊凡人用為民支教共夜次第人 medicina / perfectu / omnibus / auxiliis / permanery / in / vyterisbus / eorum / in / nomine / ejusdem / Jesu / Christi / & Sancti		

chúng tôi xin ngài	求	nostri	mỗi bề nên sạch	efficiamur	dang nên mầy cho được	所生	procreavit
dùng phép thánh	領	rogamus	ca ngợi	te	bởi ngài	得	te
mà làm cho	用	ut	ta	Sacramentis	ơn	保	ad
vật	法	Sanctificando	ra mình		cùi	頌	tutelam
mầy nên	重	Creaturae	tỏ lòng		mà	是	generis
thánh	命	Salis	làm ơn		dưới	恐	humani
cùng	不	hanc	mà	Salutare	thế	仍	et
lấy	來	sanctifices	dưới		thù	愛	precipit
phép	物	et	thế	ad	nhân	世	per
bên	也	benedicendo	thù	effugiendum	danh	人	Servos
sao	法	benedicas	nhân	inimicum	ba	罪	Suos
mà	如	ut	danh	in	ngôi	因	consecrare
làm	舟	fiat	ba	nomine	thánh	惡	populo
phép	生		ngôi	Trinitatis	vì	世	suo
cho	況		thánh	Sancte	lấy	為	verientibus
ho			vì	praeinde	lòng	主	ad
nên			lấy	Domine	chúa	神	credulitatem
			chúa	Deus	Deu	助	ut

chúa	主	Domini	ở	物	
chúng	本	nostri	vật	物	Creaturae
tôi	祈	et	loài	均	Salis
và	中	in	tao	靈	
nhân	因	virtute	làm	而	exorcizo
phép	法		phép	法	
phi	五	Spiritus	trừ	除	
rí	後		mi	你	te
tô	第		nhân	因	in
Sang	即	Sancti	danh	名	nomine
tô	第		Deo	此	Dei
tao	來		chúa	吒	Patris
làm	而		Có	而	
phép	法		phép	法	
trừ	除	exorcizo	vô	無	omnipotentis
mầy	你	te	cùi	窮	
vì	因	per	và	常	et
Deo	敬	Deum	nhân	因	in
Sống	愛	vivum	Ca	敬	
vì	因	per	ri	後	charitatem
Deo	敬	Deum	ta	世	
thật	愛	verum	Jesu	之	Jesu
vì	因	per		欲	
Deo	敬	Deum	chi	基	Christi
thánh	愛	Sanctum	rí	後	
là	因	per	xi	哭	
kẻ	敬	Deum	tô	第	
đã	愛	qui			

nhiều	佑	penetrent
ích	益	
một	及	ad
ngày	世	die
một	及	in
liên	收	
vì	為	per
một	及	eundem
chi	基	
rí	後	Christum
tô	哭	
cầy	第	
là	主	Dominum
chúa	之	
chúng	祈	nostrum
tôi	禱	
thuở	時	Per
chầu	隨	
gì	之	Amen

mùi hôm êm ái	odorem	味	
Suavem		爽	
thơm đều vân		俊	
precepto=rum		倫	
ng. xin cho nó	tuorum	衆	
Đức mình		德	
mà làm tôi	Catu	明	
ng. thờ	deserviat	爲	
i nghĩa	tibi	你	
ni ja	Ecclesia	教	
ng. và	tua	尊	
Đức	et	主	

Cửa Đức	januam	門	
nhân	pietatis	仁	
Canh		敬	
ng.	tua	尊	
cho Đức		主	
chúa	ambatu	斗	
Đều	signo	上	
Đức thường		皆	
ni	Sapientiae	尊	
ng.	tua	尊	
vì khỏi	Careat	毋	
các		各	
sự		可	
hoài	faturibus	憂	
vì các		患	
sự	omnium	各	
cầu		可	
me	cupiditatu	求	
mà	et	迷	
khỉ		斜	
thay	ad	教	

Sự tôi	cecilatem	目	
các	Cordis	敢	
cho		之	
khỏi	ab	患	
mình		而	
nó	eo	改	
cầm		改	
đặc	dijrumpe	以	
các	omnes	想	
tôi		各	
mà	Laqueos	纖	
gươm		塵	
đã	Satanae	世	
đường	quibus	用	
mà	fuerat	斜	
nó	Colligatus	教	
lấy		神	
Đức	Domine	父	
chúa		主	
mở		矣	
khỏi	aperi	矣	
cho		常	
nó	ei	收	

mở	n. n.	某	
mà	hunc	某	
là tôi	famulu	僕	
tạ	tuum	爲	
ng. là	quam	凡	
kẻ Đức		主	
chúa		主	
mời		之	
Đã	ej	面	
làm		面	
ơn	dignatus	恩	
gọi	Vocare	喚	
đến	ad	召	
chúa		各	
các	rudimen	鋼	
đều	ta	道	
đạo		之	
phép	Fidei	五	
Đức		主	
chúa		教	
mời		化	
Đấy		爾	
mà	e	教	
đuổi	expulse	教	
các	ommen	教	

Đấng	Deus	神	
chúa		主	
Đức		世	
có	omnipotens	無	
phép		窮	
vô		無	
cùng	Sempiterne	窮	
có		無	
vô		之	
cùng		主	
là	Pater	父	
cha		父	
Jesu	Jesu	耶	
chi		穌	
ni	Christi	基	
xi		督	
tô		我	
chúa	Domini	主	
chúng		衆	
tôi	nostri	我	
hãy		我	
ơn	dignare	恩	
ban		賜	
xem	respicere	顧	
trên	Super	上	

chúng tôi phải nghiêm	衆 orenuy

BIBLIOTECA NACIONAL DE LISBOA

vi	為		
ở	爲		
tô	主	Dominum	
chúa	主		
chúng	衆	nostrum	
tôi	我		
thuần	純		
chỉ	旨	Amen	
gì	之		

Cả	奇	magnitudinis	
Sang	部		
trọng	軍	Gloriae	
ngài	尊	tuae	
đã	迪		
truyền	俾		
cho	苦	rudimente	
giữ	仔	per	
các	朝	custodia	
đều	嘴	mandatorum	
vâng	尊	tuorum	
ngài	弟		
cho	爲	meretur	
đáng	矣		
đi	是	pervenire	
đến	仁	ad	
nơi	賢	gloriam	
thông	凡		
kẻ	也		
đã	生	generationis	
sinh	矣		
hội	罗	per	
vì	罗		
chi	吾	Christum	

mà	爲		
gìn	尊	custodi	
giữ	仔		
nên	朝		
nhà	嘴		
là	尊		
kẻ	弟		
ngài	爲		
đã	矣		
chọn	是	electa	
cùng	仁		
đã	賢		
chịu	凡	signatus	
dấu	也		
Câu	生	Cruis	
rút	矣		
Đức	罗	Domine	
chúa	罗		
mình	吾		
Cho	特	ut	
Đức	俾	Servarent	
giữ	各		
các	朝		
đều	嘴		
Đức	弟		

hay	吳		
chịu	尼	accipe	
lấy	祀		
Dấu	到	signum	
	的		
	拜	Crucis	
	嘴		
	吏		
	仁		
	肥		
	時		
	吏	in	
	仁		
	賢		
	凡		
	祀		
	爲		
	仔		
	使		
	各		
	朝		
	嘴		
	弟		
	爲		
	特		
	俾		
	各		
	朝		
	嘴		
	弟		
	爲		
và	爲		
ở	矣	in	
nơi	是		
trán	仁	frente	
và	賢		
ở	凡		
nơi	也	in	
cổ	生		
chịu	矣	corde	
lấy	罗		
Đức	罗	Sume	
tin	吾		
các	特	fidem	
đều	俾		
vâng	各		
bởi	朝		
nơi	嘴		
mà	弟		
xuống	爲		

lay	祀		
Đức	主	Domine	
chúa	主		
nhời	矣		
chúng	衆		
tôi	我		
xin	祈	quesumus	
ngài	奠		
lấy	尊		
cao	恥		
nhân	吳	clementer	
lành	仁		
mà	矣		
nghe	爲	exaudi	
nhời	爲		
chúng	衆		
tôi	我	nostras	
Của	祈		
xin	奠	preces	
cùng	尊	et	
chịu	吳		
lấy	恥		
nhân	仁	virtute	
Đức	賢		
uống	使		
bền	于		
mãi	買	perpetua	

Cùng	奠	et	
và	尊		
cho	朱		
có	恥		
nét	吳	taly	
ơn	仁	manibus	
cho	賢		
đến	朱		
rằng	是		
Được	爲		
nên	特		
đến	爲		
thì	爲		
chúa	主		
Đeo	吾		

chúng	衆		
tôi	我		
phải	祈		
nghiêm	奠		

là	罪凡支則命如	propximum
kẻ	主	
gần	命	
mình	如	tuum
khư	命	Sicut
mình	主	te
vậy		ipsum

tính	性	Spiritu
thiêng	靈	
dỡ	所	
dơ	呼	immunde
hay	吳	exi
ra	哭	
cho	出	ab
khỏi	岱	eo
ng.	是	
nam	男	
nay	信	
hay	徒	vel
là	是	
ng.	是	
nữ	女	
nay	信	ea
cùi	教	et
để	徒	
khen	雅	da
nay	信	locum
cho	是	
phi	至	
ri	聖	Spiritui
tô	教	
Sang	主	Sancto
tô	教	

là	保	paraclito
đấng	護	
an	安	
ủi	慰	

mô	其	n.
xin	奠	petij
i	依	
nghĩ	討	
ri	後	Ecclesia
ja	教	
của	主	Dei
Deo	教	
đi	所	
gì	之	quid

của	特	R
Đức	所	
tin	信	Fidem
Đức	所	Fidej
tin	信	
làm	所	praestat
ích	益	
gì	之	quid
cho	事	tibi
mình	命	

mến	勉	diligej
của	主	Dominum
Deo	教	
mình	所	Deum
cho	生	tuum
hết	歐	ex
cả	意	toto
lòng	所	Corde
mình	命	tuo
và	嘗	et
về	事	ex
hết	歐	toto
linh	灵	
hồn	所	anima
mình	命	tua
và	嘗	et
cho	事	ex
hết	歐	toto
thì	智	
khôn	所	mente
mình	命	tua
và	事	et
kêu	歐	
ng.	事	
ta	嘗	

của	特	R
hằng	所	
cho	生	
Đức	意	
sống	所	Vitam
đô	命	
cù	永	aeternam

vậy	以	Igitur
nào	因	Si
mình	所	
muốn	願	vij
lên	登	ingredi.
đến	至	ad
nơi	所	
sống	特	Vitam
hằng	永	
đô	命	Serva
hãy	保	
giữ	守	
lời	主	
đều	朝	mandata
răn	誨	
Sé	仕	

HARVARD COLLEGE LIBRARY

文序第法沼罪祕 thứ tự về phép rửa tội những trẻ	美經第法沼罪祕 nghĩa Kinh về phép rửa tội trẻ	美經第法沼罪祕 nghĩa Kinh đàng Sacerdote 由靖捎 quen đạo khi làm các phép 如各法 如敬呪 Sacramento

分文第 phần thứ hai	球感恩主 Deo thừa cám ơn chúa Deo	行迹祿体 vidimus 而即重 gloria 事畢 ejus 而即重 gloriam 如及 quasi 乳生 unigeniti 嘅學 a 毛 Patre 苦 plenum 將 gratia 及 et 至 veritatis 共

xem thấy sự sáng thảo ấy sự sáng thảo như một Con sinh ra bởi chà Đấy ra xi a cù Đức thánh thà

mà	而	Sed
hại	矣	ex
bởi	我	Deo
chúa	主	
Deo	帝	
mà	而	
Sinh	生	nati
ra	出	Sunt
và	與	et
ngôi	言	verbum
thiệt	之	
hai	矣	
Đã	已	
lấy	取	curo
tính	性	factum
xác	肉	
thịt	納	
Cùi	共	est
Đã	已	et
ở	居	habitavit
trào	中	in
chúng	衆	nobis
tôi	我	
và	與	et
chúng	衆	

mà	而	Sed
là	是	
kẻ	凡	qui
tin	信	credunt
nhân	因	in
Tên	名	nomine
ngài	爾	ejus
là	是	
kẻ	凡	qui
chẳng	不	non
phải	非	ex
thường	常	
mau	即	Sanguinibus
cùi	共	neque
chẳng	不	ex
phải	非	
bởi	因	Voluntate
ý	人	carnis
xác	肉	carnis
thịt	納	
Cùi	共	neque
chẳng	不	
phải	非	ex
bởi	因	Voluntate
ý	人	
ngài	爾	viri
nam	男	

lấy	取	
ngài	爾	cum
bằng	憑	autem
bao	包	
nhiêu	多	quotquot
kẻ	凡	
đã	已	
chịu	受	receperunt
lấy	取	
ngài	爾	eum
thì	則	
ngài	爾	
đã	已	dedit
ban	賜	
cho	與	
kẻ	凡	ei
ấy	人	
phép	法	
trào	權	potestatem
riêng	專	fieri
con	子	Filios
chúa	主	
Deo	帝	Dei
cho	與	
nhằng	仍	
ngài	爾	

nên	乎	factus
bởi	因	per
ngài	爾	ipsum
và	與	et
thế	世	
gian	間	mundus
chẳng	不	non
Có	有	
biết	認	Cognovit
ngài	爾	eum
Đã	已	
đến	到	venit
nhằng	仍	in
nay	今	proprio
thuộc	屬	
về	此	
ngài	爾	
mà	而	et
kẻ	凡	
chuộc	贖	
về	此	
ngài	爾	Sui
chẳng	不	non
Có	有	
chịu	受	receperunt

Sự	之	De
sáng	光	lumine
Đã	已	
Có	有	erat
Sự	之	
sáng	光	lux
thật	實	vera
là	是	
kẻ	凡	quae
soi	照	illuminat
sáng	光	
các	各	omnem
ngài	爾	hominem
hay	受	
đến	到	venientem
trào	中	in
thế	世	mundo
gian	間	
này	此	hunc
Đã	已	
Có	有	erat
trào	中	in
thế	世	mundo
gian	間	
và	與	et
thế	世	
gian	間	mundus
Đã	已	est

chứng	證	testimonium
cho	來	ut
Đời	特	perhiberet
làm	為	
chứng	證	testimonium
về	來	de
Sự	之	lumine
sáng	光	
cho	來	ut
ngài	爾	omnes
tà	邪	
tin	信	crederent
về	此	per
ngài	爾	illum
ngài	爾	ille
ấy	此	
chẳng	不	non
phải	非	erat
là	是	
Sự	之	lux
sáng	光	
mà	而	Sed
là	是	
đến	到	ut
làm	為	perhiberet
chứng	證	testimonium
về	來	

Bởi	也	erat
Có	在	in
thuở	論	principio
trước	與	apud
hết	歌	
Cùa	共	
chúa	主	Deum
Deo	帝	
bởi	是	per
ngì	共	ipsum
mà	而	facta
nên	成	sunt
Sự	可	omnia
mọi		
và	常	et
Không	豈	sine
ngì	共	ipso
chẳng	不	factum
nên	成	
Sự	了	est
gì	之	nihil
là	異	quod
Sự	了	
đã	也	
làm	成	factum
nên	了	est
Sự	生	vita
Sống		

Đã	也	erat
có	在	in
cùa	共	
ngì	共	ipso
và	常	et
Sự	了	vita
Sống	了	
đã	也	erat
nên	了	
Sự	了	lux
Sáng	了	
ngì	了	hominum
Ta	我	
và	常	et
Sự	了	
Sáng	了	lux
hay	明	lucet
Soi	照	
nay	在	in
tối	暗	tenebris
tăm	黑	
và	常	et
Sự	了	
tối	暗	tenebrae

non comprehenderunt

ea fuit lumen hominum

a Deo missus nomen cui erat Joannes hic venit in

Thuở	論	In
trước	與	principio
hết	歌	
Đã	也	erat
có	在	
ngôi	道	Verbum
Thiên	天	
hoàng	皇	et
và	常	
ngôi	道	Verbum
Thiên	天	
hoàng	皇	
Đã	也	erat
có	在	
cùa	與	apud
chúa	主	
Deo	帝	Deum
và	常	et
chúa	主	
Deo	帝	Deus
là	異	erat
ngôi	道	Verbum
Thiên	天	
hoàng	皇	
ngôi	道	hoc
này	是	

Đầu	頭	Initium
hết	歌	
thì	聖	Sancti
Evan	依	Evangelii
gelio	賢	
	支	
	商	
	母	
	林	
	安	
về		Secundum
Jo		Joannem
an		

Đức	分	Dominus
chúa	主	
mọi	共	cum
Đ	共	
cùa	共	vobis
bay	拜	
Thiên	跡	et
và	常	
Đ	共	cum
cùa	共	
linh	灵	spiritu
hồn	魂	
mọi	是	tuo

xin chúa Deo có phép vô cùng lâm phép ben sao cho bay là cha và con và phi ri tô sang tô	Deus omnipotens benedicat vos Pater et Filius et Spiritus Sanctus	cho tôi và các kẻ tôi đã dâng của cấy vì chi ri xi tô là chúng chúa tôi	mihi et omnibus obtuli illud pro quibus per Christum Dominum nostrum
thuà chô gì	Amen	chô gì	Amen

Kẻ chẳng dâng đã dâng trước mắt ng. ngay ngay vì ng. thường lên mà nên của dâng cho ng. chúa cấy của nên của lâm ơn	indignus obtuli oculis tuis majestatis te miserinte Sit dona tua tibi acceptabile que Sit propitiabile	Kẻ chẳng dâng đã dâng trước mắt ng. ngay ngay vì ng. thường lên mà nên của dâng cho ng. chúa cấy của nên của lâm ơn	indignus obtuli oculis tuis majestatis te miserinte Sit dona tua tibi acceptabile que Sit propitiabile

bay ở ngời thánh tôi xin cho Viậc tôi tôi là tôi tá chúa ngời đẹp lòng ng. cấy lâm cho của tế lễ tôi là	Spiritus Sancta opsequio mea Servitutis placeat tibi et ut Sacrificium quod	xin cho các linh hồn ngời đang ăn	requiescant in pace
thuà chô gì	Amen	thuà chô gì	Amen

chúng ta phải ngời khen chúa mình	benedicamus Domino Deo	chúng ta phải ngời khen chúa mình	benedicamus Domino Deo
thuà cám ơn chúa	gratias Deo	thuà cám ơn chúa	gratias Deo

tam	心	non	
chẳng	不		
Có	安	comprehen	
cầm	於		
Cầy	秘	derunt	
Sự	日		
Sáng	明	ea	
ấy	代		
Đã	色		
Có	在	fuit	
một	及		
ngì	是	homo	
chúa	主		
Deo	眞	Deo	
đã	道		
Sai	差	misit	
tên	先	nomen	
ngì	是	cui	
là	若	erat	
ju	翰		
an	安	Joannes	
ngì	是		
nay	己	hic	
đã	世		
đến	世	venit	
nhà	如	in	

đã	道	erat	
Có	在	in	
Cù	神	principio	
ngì	是	ipso	
và	與	et	
Sự	主		
Sống	生	vita	
đã	道		
nên	在	erat	
Sự	主		
Sáng	明	lux	
ngì	是		
ta	人	hominum	
Và	與	et	
Sự	主		
Sáng	明	lux	
hay	光		
Soi	照	Lucet	
nay	在	in	
tối	暗	tenebris	
tam	心		
và	與	et	
Sự	主		
Tối	暗	Tenebrae	

đã	道	erat	
Có	在	in	
thuở	開	principio	
trước	初		
hết	歌	apud	
Cù	與		
chúa	主	Deum	
Deo	眞		
bởi	道	per	
ngì	是	ipsum	
mà	所	facta	
nên	作	sunt	
Sự	凡	omnia	
một	可		
và	當	et	
Khoi	當	sine	
ngì	是	ipso	
chẳng	不	factum	
nên	作		
Sự	之	est	
gì	一	nihil	
là	是	quod	
Sự	可		
đã	也		
làm	作	factum	
nên	作	est	
Sự	生	vita	
Sống	活		

thuở	開	In	
trước	初		
hết	歌	principio	
Đã	道		
Có	在	erat	
ngôi	道	Verbum	
thứ	與		
hai	主		
và	同	et	
ngôi	道	Verbum	
thứ	與		
hai	主		
đã	道	erat	
Cù	與		
chúa	主	apud	
Deo	眞	Deum	
và	同	et	
chúa	主		
Deo	眞	Deus	
là	是	erat	
ngôi	道	Verbum	
thứ	與		
hai	主		
ngôi	道		
nay	己	hoc	

đầu	頭	Initium	
hết	歌		
thì	聖	Sancti	
e	教		
van	貢	Evangelii	
gc	爲		
li	書		
o	母		
về	聖	Secundum	
ju	若		
an	翰	Joannem	

Cùa	所	Dominus	
chúa	主		
mọi	主		
Đ	與	Cum	
Cù	主		
bay	同	Vobis	
thuở	時		
trước	先		
Đ	與	et	
Cù	主	Cum	
Linh	同		
Sôn	在	Spiritu	
ngì	是	tuo	

HARVARD COLLEGE LIBRARY

xin chúa Deo có phép vô cùng làm phép ben sao cho bay là Cha và Con và phi ri tô Sang tô	真主既古之要分古迦及主弄吳吒帝吳帝之後并山苏	Deus omnipotens benedicat vos Pater et Filius et Spiritus Sanctus	cho tôi và các kẻ tôi đã dưng của cũ vì chi ri xi tô là chúng chúa tôi	朱祈帝各凡祈迦及貼人爲爲後以并器主系祈 mihi et omnibus obtuli illud pro quibus pati Christum Dominum nostrum
thừa chỉ ghi	踈陪之	Amen	cho gì	陪之 Amen

Kẻ chẳng dâng đã dưng trước mặt ngài uy nghi thường đến mà nên của dâng cho ngài chịu cũ sẽ nên của làm ơn	凡奉迦及貼奉輔尊威爲爲尚是帝弄貼迦	indignus obtuli oculis tuis magestatis te miserante Sit dans tibi acceptabile quae Sit propitiabile	chúng ta phải người khen Đức chúa mình	众祈帝敘帝主系 benedicamus Domino
thừa ơn chúa Deo	踈感主既	gratias Deo	thừa chỉ	踈陪之 Amen

bậy ngài thánh tôi dâng cho việc tôi là tôi tá mình người đẹp lòng ngài cũ làm cho của tế lễ tôi là	祇西 Trinitas 聖 Sancta 祈真主役祈器 servitutis 敘尊特器主系尊共 placeat tibi et ut 貼 Sacrificium 礼 quod	xin cho các linh hồn người bằng ơn	真主系灵魂 requiescant in pace	chúng ta phải người khen Đức chúa mình
thừa chỉ	踈陪	Amen	thừa ơn chúa	踈感主既 gratias Deo

Bay	拜	ite	
Bái	祭		
Di	礼		
Lễ	礼		
mi	彌	missa	
S	撒		
Sa	撒		
Đoạn	段	est	
Đức	德	Domino	86
chúa	主		
nhà	家	cum	
Cùng	共		
bậy	拜	vobis	
thua	陣		兒
Và	與	et	
cùng	共	cum	
linh	灵	Spiritu	
hồn	魂		
người	人	tuo	
ngày	日	qui	
Sau	後		
và	與	et	
trị	治	regnaj in	
Đời	代	Seculi	
Đời	代	Seculorum	
thế	世		
giới	界	Amen	

Thuở	时	in	
mình	命		
Tôi	我	me	
chưng	为	non	
Còn	留	remaneat	
Có	有		
Sự	事		
Giữ	守		
nhớ	记	memoriae	
về	事	Sacrorum	
các	各		
Tội	罪		
Vì	为		
tội	罪		
Là	是		
Kẻ	凡	quem	
hai	各		
Sa	圣	Sacramenta	
ca	歌		
ru	唄		
mến	爱		
tô	苏		
Sạch	洁	pura	
và	与	et	
thì	是	Sancta	
Đã	已		
mới	受	refecerunt	
và	与		
bậy	拜		
Đức	德	Domino	87
chúa	主		
mình	家		
xin	请		
cho	赐		
mình	命	Conjuj	
ngày	日	tuum	
là	是		
Kẻ	凡	quod	
tội	罪		
Đã	已	Sumpsi	
chịu	受		
lấy	拜		
cùng	共	et	
máu	血	Sanguij	
là	是		
Kẻ	凡	quem	
tôi	我		
Đã	已		
uống	饮	potasi	
bén	粘	adhaerent	
vào	入		
ruột	肠	visceribus	
tôi	我	meis	
Cùng	共	et	
làm	为	praesta	
làm	为	et	
thì	时		
nay	今	temporali	
bắt	始		
nên	为		
thuốc	药	fiat	
thiêng	灵		
chung	共	remedium	
tôi	我		
vô	无	nobis	
cùng	穷		
		Sempiterno	

HAPVAPP

Đức chúa mười tôi đáng khi người liền sẽ kêu đến Đức chúa mười và tôi sẽ ta xão mình khỏi các thù tôi xin cho máu	Domini	Đức Chúa Trời cho chúng tôi giữ linh hồn tôi cho được sống vô cùng	Dominum	Jesu chi ni xi tô chúa chúng tôi giên giữ linh hồn tôi cho Được sống vô cùng	Jesu Christi Domini nostri Custodiat animam meam in Vitam aeternem
Đức chúa mười vì các sự ngài đã chịu chết mà chuộc	laudans invocabo Dominum et ero Salvus ab inimicis meis in sanguine	秋華該次新主名行雪保灵魂行朱特到無穷		秋華該次新主名行雪保灵魂行朱特到無穷	
哉主名行真朱衣行特真正心真真				哉主名行真朱衣行特真正心真真

tôi	行住	accipiam
Sẽ	召	
chịu	聰	meum
Lấy	等	
thiên	天	Coelestem
đàng	堂	
cùi	共	et
Sẽ	住	
đến	吳	in aeternum
tin	世	nomen
Đức	先	
chúa	主	Domini
mình	天	

Sang	山	Sancta
tô	教	
cùi	世	Deus
là	主	
chúa	聰	
Đeo	先	per
cho	世	omnia
đến	代	Saecula
các	代	Saeculorum
đời	代	
đời		
chớ	清	Amen
gì	之	

thôn	仲	
và	帶	et
xác	完	Corpus
hai	更	et
Đức	將	
chúa	召	
Lấy	聰	percipiendam
phước	如	
thiêng	來	
thiêng	朗	Medelam
tôi	行	
là	界	
Kẻ	凡	qui
sống	靈	vivis
và	帶	et
trị	世	regnas
cùi	共	cum
Đeo	聰	Deo
chà	氏	Patre
làm	白	
một	及	in unitate
cùi	共	
Đức	主	
chúa	聖	Spiritu
phi	靈	
trí	教	
tô	苏	

cho	求	mihi
tôi	分	
đàng	必	in
phải	所	
xét	謂	judicium
cùi	共	et
đoán	世	
phạt	界	Condemnationem
mà	則	
lại	罰	Sed
xin	與	
lấy	與	pro
Đức	有	
nhân	分	pietate
lành	仁	
ngài	矣	tua
cho	尋	
của	出	
mình	敗	
làm	后	profit
ích	益	
cho	中	mihi
tôi	的	
cùi	共	ad
giền	度	testamentum
giữ	修	
trí	贖	ment.

bay	祈	
Đức	求	Domine
chúa	天	
Jesu	祝	Jesu
chi	共	
ri	世	Christe
xi	界	
tô	祝	
xin	與	
cho	共	
sự	子	perceptio
chịu	召	
mình	命	Corporis
ngài	尋	tui
là	世	
Kẻ	凡	quod
tôi	行	ego
chẳng	當	
đáng	當	indignus
mà	奇	
cá	共	praesumo
cao	主	
chịu	召	
lấy	聰	Sumere
ơn	可	non
phú	化	
ra	世	praeveniat

HARVARD COLLEGE LIBRARY

cho	牛	ab
khỏi	恪	
các	各	omnibus
tội	罪	iniquitatibus
chúng	衆	nostris
tôi	矜	
và	帶	et
các	各	universis
sự	事	malis
giữ	与	
cũ	共	et
làm	为	fac
cho	牛	
tôi	今	me
hằng	恒	Semper
cứ	例	inherere
các	而	
đều	朝	mandatis
vâng	遵	
ngài	尊	tuis
mà	命	et
đừng	勿	nunquam
có	敢	
thì	牛	
nào	敢	permittas
để	牛	
cho	牛	

tô	苏	
giúp	扶	Cooperante
việc	役	
của	女	
đã	他	per
lấy	祂	
sự	为	mortem
chết	身	
ngài	尊	tuam
mà	牛	
làm	为	
cho	牛	
sống	到	vivificasti
thiên	天	mundum
hạ	下	
hãy	牛	libera
cứ	救	
lấy	祂	
tôi	矜	me
vì	为	per
mình	命	Corpus
thánh	聖	Sacrosanctum
ngài	尊	hoc
cũ	共	et
máu	阿	Sanguinem
ngài	尊	tuum

lạy	祂	
Đức	主	Domine
chúa	天	
Jesu	祂	Jesu
chi	基	
ki	督	Christe
xi	祂	
tô	救	
con	世	Filii
Đức	主	
chúa	祂	
Deo	到	Dei
sống	世	vivi
là	界	
kẻ	凡	
bởi	我	ex
ý	人	Voluntate
Đức	主	
chúa	帝	Patris
cha	父	
và	主	
có	必	
Đức	主	
chúa	主	Spiritu
thì	浪	
ki	神	
tô	山	Sancto

lạy	祂	
Đức	主	Domine
chúa	天	
Jesu	祂	Jesu
chi	基	
ki	督	Christe
xi	祂	
tô	救	
là	世	
kẻ	凡	
đã	他	qui
phán	判	dixisti
cùng	共	
các	各	
tông	宗	Apostolis
đồ	徒	
ngài	尊	tuis
rằng	限	relinquo
tao	軍	
để	底	
sự	平	pacem
bình	平	
an	安	
cho	牛	nobis
bay	牛	
tao	底	
ban	班	Do

sự	事	
bình	平	pacem
an	安	
tao	金	mea
cho	牛	
bay	拜	vobis
thì	对	
đừng	勿	ne
xem	祇	respicias
các	各	
tội	罪	peccata
tôi	对	
mà	牛	mea
hãy	牛	Sed
xem	祇	
sự	事	fidem
tin	信	
và	依	
nghĩa	封	Ecclesiae
ngài	尊	tuae
ngài	尊	que
cũ	共	
làm	为	dignetis
ân	恩	
cho	牛	eam
nghĩa	依	

ngài	尊	
ja	加	
Đức	主	
bằng	特	pacificare
an	平	
và	安	
đẹp	金	et
lòng	乃	Caedumire
một	民	
mặc	底	Secundu
ý	人	Voluntatem
ngài	尊	tuum
là	世	
kẻ	凡	qui
sống	到	vivis
và	世	et
trị	限	regnas
cũ	共	
là	世	
chúa	世	Deus
Deo	祂	
cho	牛	Per
đến	世	omnia
các	代	Saecula
đời	之	Saeculorum
đời	間	
chớ	之	Amen
gì		

Con chiên chúa Deo là Kẻ cất những tội thiên hạ ban sự bình an cho chúng tôi bởi ơn cho Kẻ ấy được nghỉ vô cùng	Agnus Dei qui tollis peccata mundi dona nobis pacem. nobis dona ei requiem Sempiternem	Con chiên chúa Deo là Kẻ cất tội những thiên hạ thương xem chúng tôi	Agnus Dei qui tollis peccata mundi miserere nobis
Con chiên chúa Deo là Kẻ cất những tội thiên hạ thương xem chúng tôi	Agnus Dei qui tollis peccata mundi miserere nobis		

xin cho phép pha trộn và phép thánh cùng máu Jesu chúa chúng tôi bởi tiên cho chúng tôi Kẻ là chịu	Commixtio hæc et Consecratio Corporis et Sanguinis Jesu Christi Domini nostri fiat nobis accipientibus	xin cho sự bình an Đức chúng mãi mãi cùng bởi
lấy sự sống vô cùng	in vitam æternam	Thuốc và cùng linh hồn ngài
chịu gì	Hanc	

xin cho sự bình an Đức chúng mãi mãi cùng bởi	pax Dominus Sit Semper Cum vobis
Thuốc và cùng linh hồn ngài	Et cum Spiritu tuo

Deo	眺	per
cho	朱	omnia
đến	是	Sæcula
đời	代	Sæculorum
đời	〻	
Thừa	蹄	Per
sức	固	Christum
gì	之	Dominum

-96- 基督我等主耶穌子

Christum	是	in
Filium	天	Đức
tuum	主	nhân
nostrum	行	lành
Dominum	耶	ng.
qui	穌	giúp
vivit	子	chúng
et	基	tôi
regnat	督	và
cum	與	được
te	我	khỏi
in	等	sự
unitate	行	tội
Spiritu	主	nếu
Sancto	耶	mối
Deus	穌	cũ
	基	Được
	督	nương
	子	dưới
	與	bên
	我	cho
	等	Khỏi
	行	sự
	主	hối
	耶	hão
	穌	vì
	基	một
	督	Jesu
	子	

misericor	是	in
dia	天	Đức
tua	主	nhân
ajuti	行	lành
Simus	耶	ng.
Liberi	穌	giúp
a	子	chúng
peccato	基	tôi
Semper	督	và
et	與	được
Securi	我	khỏi
ab	等	sự
omni	行	tội
perturba	主	nếu
tione	耶	mối
per	穌	cũ
eundem	基	Được
Jesum	督	nương
	子	dưới
	與	bên
	我	cho
	等	Khỏi
	行	sự
	主	hối
	耶	hão
	穌	vì
	基	một
	督	Jesu
	子	

Lạy	祇	Domine
Đức	主	
chúa	天	
mối	行	quesumus
chúng	真	
tôi	教	
xin	会	libera
cứu	行	nos
chúng	朱	
tôi	愛	ab
cho	各	omnibus
khỏi	事	
các	奈	malis
sự	西	
dữ	之	praeteritis
đã	世	
qua	代	et
và	常	
có	安	
trước	享	
mặt	翅	
và	常	et
ngày	學	
sau	安	
sẽ	社	futuris
có	主	
cứ	共	et

vì	耶	
mối	穌	
thế	基	beata
và	督	et
sáng	子	
láng	與	gloriosa
bloi	我	
đời	等	Semper
đời	行	
trinh	主	Virgine
	耶	
	穌	Maria
mẹ	基	genitrice
chúa	督	Dei
Deo	子	
cầu	求	intercedente
xin	與	
làm	我	
một	等	cum
cứ	行	
những	主	Sanctis
thế	耶	
tôi	穌	Apostolis
đồ	基	
thế	督	Petro
vô	子	

và	常	et
bảo	伴	
cậu	祥	Paulo
và	常	atque
an	女	
re	後	Andrea
cùr	共	et
các	各	omnibus
thế	聖	Sanctis
hứng	徒	
làm	白	
ơn	悉	precibus
lành	爾	
mà	亞	da
bàn	耶	
sức	子	pacem
hằng	平	
an	安	in
trao	中	
các	太	diebus
ngày	學	
chúng	天	nostris
tôi	行	
sống	主	ut
cho	耶	
Được	穌	ope
chiu	基	

Đém	敢 audemus	chúng tôi	众行
nói	曰	phép	所
rằng	辰 dicere	cầu	求
		nguyện	願
		chúng tôi	众行
		vâng	卿
		nhậm	仍
		đều	翊
		tóm	將
		lại	共
		sự	事
		lành	益
		đã	益
		bảo	保
		cùng	共
		mọi	刑
		phép	分
		thánh	主
		nước	今
		đã	代
		đặt	世
		mà	每

oremus
praecepit
Salutaribus
monitis
et
formatis
divina
institutione

cho	朱	tibi	
ngài	異	Deo	
Đeo	毗	Patri	
cha	吒	omnipotenti	
có	玄	in	
phép	法	unitate	
có	與	Spiritu	
cùc	穹	Sancto	
làm	冗	per	
một	及	omnia	
cùc	共	Secula	
thánh	主	Seculorum	
phi	五	Amen	
tô	後		
Sang	苏		
tô	部		
cho	朱		
đến	昌		
các	各		
đời	代		
đời	之		
thuở	珠		
chớ	庸		
gì	之		

Cha	吒	Pater	
chúng	众行	noster	
tôi	罪	qui	
là	几	es	
Kẻ	支	in	
ở	卓	Celis	
trên	尤		
blời	奔		
xin	與		
cho	朱		
tên	先	nomen	
ngài	吳	tuum	
nên	中		
thánh	陸	Sanctificetur	
nước	陵	regnum	
ngài	吳	tuum	
cai	慈		
trị	恒		
đến	旦	adveniat	
mường	卿	fiat	
ấy	仪	voluntas	
ngài	吳	tua	
ở	支	et	
dưới	蔚	in	
đất	坦	terra	
bằng	平	sicut	
trên	卓	in	
mình	尤	Celo	

vậy	巫	Da	
hãy	吳	nobis	
ban	朱	hodie	
cho	众行		
chúng	敬	panem	
tôi	几		
hôm	支	nostrum	
nay	貶		
cầu	益	quotidianum	
ăn	众行		
chúng	指		
tôi	用	et	
quen	吳	dimitte	
dùng	朱		
mọi	共	nobis	
ngày	蔚		
cùc	朱	debita	
tha	众行		
cho	仍	nostra	
chúng	世		
tôi	众行	Sicut	
những	平		
nhờ	卓	nos	
chúng	众行		
tôi			
bằng			
chúng			
tôi			

cùc	扶	et	
cha	救	dimittimus	
Kẻ	几		
có	玄	debitoribus	
nhờ	支		
chúng	众行	nostris	
tôi	主		
vậy	共	et	
cùc	陸	ne	
chớ	陵	inducas	
để	陵	nos	
chúng	众行		
tôi	陵	in	
sa	共		
chúng	敬	tentationem	
cám	心		
dỗ	主		
bèn	卓	Sed	
chừa	动	libera	
chúng	众行	nos	
tôi	恒		
khỏi	卓	a	
sự	尤	malo	
dữ	卓		
chớ	陵	Amen	
gì	之		

Cùng	et	per
bạn	prostag	Christũ
cho	nobis	xi
chúng	per	tõ
tôi	ipsum	chúa
vì	et	chúng
ngài	cum	tôi
và	ipso	Dominum
làm	et	nostrum
một	in	
cùng	ipso	
và		
ở		
nơi		
ngài		
cho		
nên		
có	est	
một	omnis	
sự	honor	
kính	et	
thờ	gloria	
và		
Sang		
trọng		

Đức	Domine	Perpetua
chúa		
bởi	per	Agata
vì	quem	
Đức		
chúa	Jesu	Lucia
Jesu		
mà		Agnete
hằng	Semper	
dùng		Cecilia
nên	Creas	
các	omnia	
sự		Anastasia
lành	bona	
này	hæc	
cùng		
làm		
nên		
của	Sanctificas	
thánh		
của	Vivificas	
Sống		
và		
làm	Benedicis	
phép		
bền		
Sáo		

xin	quæsumus	Barnabe
Đức		
chúa		
mình		Ignatio
dùng	non	
xét	æstimator	
công		Alexandro
nghiệp	meriti	
vì	Sed	
hai		
mươi	largitor	Marcelino
vòi	veniæ	
phép		
mà		
thứa		
cho		Petro
chúng		
tôi		
cùng	admitte	
chịu		
lấy	nos	Felicitate
chúng		
tôi		
Cùng	intra	
làm		
bạn	Consortium	
cùng		
Kẻ	quorum	
ấy		

phần	分	partem.	扶	quoque
nào	爭	aliquam	護	
cùr	共	et	第	
cho	朱		三	
Đức	將		分	
làm	与	Societatem.	恩	dignemij
bạn	伴		朱	
cùr	共	cum	及	nobis
các	各		祈	
thánh	聖	Sanctij	哭	
tông	宗		几	
đồ	徒	Apostolij.	在	peccatorij
và	嘗	et	罪	
ma	瑪		扶	
r	下		哭	
ti	早	martyribus.	祈	famulij
ri	後		佐	
ng.	旱	tuij	幸	tuij
cùr	共		品	
ou	朋		業	Spiritali
thì	至		岳	bus
ju	極	Joanne	幸	de
an	安		沿	tuarum
tê	瑞		海	
vạo	望	Stephano.	俗	miserationum
mạt	陳		班	multitudine.
		Martyria.	及	donare

mát	陳	refrigerij	基	Christum
mê	美		孩	
sáng	刈	lucij.	哭	
và	朗	et	弟	
bùng	嘗		几	
an	平	pxij	哭	Dominum
ủi	安		王	
một	写	per	分	nostrum
khi	及	eundem	祈	
ri	基			
xi	孩	Christum		
tô	弟			
ếy	几			
là	哭	Dominum		
chúa	王			
chúng	分	nostrum		
tôi	祈			
			chớ	皆 Amen
			gì	之

và	嘗	et	基	Christum
ngủ	特		孩	
nơi	尼	dormiunt.	哭	
nghỉ	扔	in	弟	
bằng	平	Somno	几	
an	安	paij	哭	Dominum
lạy	祈		王	
Đức	分	Domine.	分	nostrum
chúa	王		祈	
blời	分			
chúng	祈			
tôi	真			
xin	真	Jgnea		
ng.	班	muri		
bàn	朱	indulgeas.		
cho	几			
Kẻ	哭	jasis		
ếy	共	et		
cùr	各			
các	几	omnibus.		
Kẻ	扔			
nghỉ	共	quiescenti		
cùr	基	bus		
chi	孩	cum		
xi	哭			
tô	弟	christo		
Đức	特			
nơi	尼	locum		

lạy	祈	Domine	chi	基
Đức	分		xi	孩
chúa	王		tô	哭
blời	分		ếy	弟
cùr	共	etiam	là	几
khô	世	momenta	chúa	哭
các	各	omnium.	chúng	王
ng.	員		tôi	分
tôi	作	famulorum.		祈
tạ	佐			
ng.	員	tuorum		
nam	男	que		
cùr	員			
nữa	女	famularum		
mô	某	n.	chớ	皆 Amen
cùr	共	et	gì	之
mô	某	n.		
là	共			
Kẻ	哭	qui		
đã	几			
ơi	巴			
Trước	逡	praecesserunt		
chúng	各			
tôi	分	nos		
	祈	cum		
lại	夷			
Có	古	Signo		
Dấu	斟			
đạo	道	fidei		

Con	昊	Filii	蜂	- 104 -	
ngì	昊	tui	高	Sublime	
bởi	昊	eos	昊	tuum	
in	安	participa	冪	in	
phần	介	tione	昊	Conspectu	
của	貶	hoc	昊	tuo	
này	已		昊		
ở	支		昊		
trên	遠	altaris	昊	Diei	
bàn	無		昊	divine	
thờ	除		昊		
thì	刃		昊		
được	將	repleamur	昊		
đầy	意		昊		
các	答	omni	昊		
sự	子		昊		
lành	參	benedictione	昊		
thiên	天		昊		
đàng	學	cœsti	昊		
và	帝		昊		
ơn	倚		昊		
ra	昊	gratia	昊		
sa	交		昊		
vì	丞	gratiâ	昊		
một	侵	per	昊		
		eundem	昊		

thờ	蜂	- 104 -	昊		
Các	高	Sublime	昊		
ngì	昊	tuum	昊		
trước	昊	in	昊		
mặt	冪	Conspectu	昊		
ngì	昊	tuo	昊		
Cả	昊		昊		
Đức	昊		昊		
chúa	昊	divine	昊		
blời	昊		昊		
uy	昊		昊		
nguy	昊	magestatis	昊		
để	昊		昊		
cho	昊	ut	昊		
bao	昊		昊		
nhiêu	昊	quotquot	昊		
kẻ	昊		昊		
trao	昊		昊		
chúng	昊		昊		
tôi	昊		昊		
sẽ	昊		昊		
chịu	昊	Sumpserimus	昊		
lấy	昊		昊		
mình	昊	Corpus	昊		
thánh	昊	Sacrosanctum	昊		
cả	昊	et	昊		
máu	昊	Sanguinem	昊		

bởi	昊	Deus	昊		
chúa	昊		昊		
Đức	昊		昊		
có	昊		昊		
phép	昊	omnipotens	昊		
vô	昊		昊		
cùng	昊		昊		
chúng	昊		昊		
tôi	昊		昊		
ở	昊		昊		
Thiên	昊		昊		
thường	昊	Su	昊		
	昊		昊		
	昊		昊		
	昊

thật	实	vere	
là	是	est	
dấu	宝	signum	
vầng	當	et	
coũ	常	justum	
bằng	公		
phải	平	aequum	
mlẽ	理		
và	常	et	
làm	以		
ơn	恩	salutare	
lành	惠		
sự	事		
lấy	求		
lạo	祈		
khiêu	請	supliciter	
nhiũng	所		
mà	求	exorare	
cầu	求		
xin	真	te	
ng	主		
lạy	祈	Domine	
Đức	万		
chúa	主		

(114)

trao	中		
Prefa	被		
pha	後		
si	苑		
tio	模		
riêng	身		
về	屈		
lễ	岳		
các	礼		
thánh	圣		
toũ	型		
đã	宗		
có	徒		
nhiũng	也		
mlời	仍		
riêng	圖		
Sau	要		
nay	信		

Sang	刑	lumen	
hằng	恆		
cõ	古	aeternum	
tõ	無		
cõ	穷		
là	吳	Jesu	
Jesu	主	Jesum	
Khi	被		
ri	後		
xi	苑	christum	
tõ	模		
là	吳		
chúa	主	Dominum	
chũng	公		
tõi	行	nostrum	

lấy	神		
Đức	万	- 107 - Domine	
chúa	主		
bởi	不		
bấy	熟	unde	
đấy	帝		
mà	弁	et	
chũng	公		
tõi	行	nos	
là	吳		
tõi	行		
tạ	佐	Servi	
ng	导	tui	
Cũ	吳	Sed	
là	吳	et	
Tân	吳		
thánh	主	plebs	
người	昌	Sancta	
hay	世		
nhớ	世	memorej	
nhũng	仍		
sự	万		
Khốn	用	passionij	
nạn	難		
và	常		
thì	圣	beata	
làm	仍		
Đấy	万		

kẻ	作	quotiescumq	
làn	公		
nầu	常		
bấy	拜		
sẽ	仕	secretij	
làm	仍		
nhũng	事		
sự	尽		
nay	世	hoc	
thì	拜		
bấy	仕		
sẽ	仍		
làm	朱	Sanctij	
cho	特		
Đức	故	in	
nhớ	旦	memoriam	
đến	盆		
tao	梅	mei	

một	仗	ejusdem	
Khi	基		
ri	後		
xi	苑	Christi	
tõ	模		
cũ	吳		
là	吳		
Con	是	Filii	
ng	主	tui	
chúa	万	Domini	
chũng	公		
tõi	行	nostri	
đã	也		
chịu	是		
Cũ	吳	necnon	
đã	也	et	
có	吏	ab	
nỗi	信		
Kẻ	几		
chết	歹	inferij	
mà	林		
Sống	赴	resurrectionij	
lại	吳		
và	尾	Sed	
lại	吳	et	
đã	也		
lên	蓮	ascensionij	
Đời	京		

nhiệm phái	任派	Sidei
Kính cũ là	敬旧吳	qui
sẽ phải	仕俗埃	effundetur
Đổ Ra	吳呂	pro
vì bay	爲所	vobis
cũ vì	共爲	et
nhiều người	特爲	multis
cho dưới	吳特	in
Khỏi tội	罪	remissionem
vì	爲	enim
chứng chén	吳	
này	此	hic
là chén	吳	est
máu	特	Calix
tao	吳	Sanguinis
cũ	共	mei
chứng	爲	
giữ	吳	
giữ chúa	吳	
bởi	吳	
bởi	特	Testamenti
mới	吳	novi
tay	吳	
và	吳	et
trước	吳	
sau	吳	aeterni
vô	吳	
cũ	吳	
cũ	吳	
là	吳	
phép	吳	
mầu	吳	mysterium
ngỡ	吳	tibi
cũ	吳	
đã	吳	
làm	吳	
phép	吳	benedixit
lớn	吳	
sau	吳	
và	吳	que
cho	吳	dedit
đệ	吳	
tử	吳	discipulis
ngỡ	吳	suis
rằng	吳	dicens
các	吳	omnes
bay	吳	
hãy	吳	
chịu	吳	accipite
lấy	吳	
và	吳	et
uống	吳	bibite
bởi	吳	ex
hồ	吳	eo

Cũ	吳	Simili
một	吳	
thể	吳	modo
thì	吳	
đã	吳	est
ăn	吳	
bữa	吳	Coenatum,
đoàn	吳	postquam
tối	吳	
cũ	吳	et
lấy	吳	accipiens
chén	吳	Calicem
tốt	吳	
lành	吳	praeclarum
này	吳	hunc
trong	吳	in
tay	吳	manus
ngỡ	吳	suas
là	吳	
tay	吳	
thì	吳	sanctas
và	吳	ac
phải	吳	
kính	吳	venerabilis
lại	吳	
cũ	吳	item
ơn	吳	agens
ơn	吳	gratias
rằng	吳	dicens
các	吳	omnes
bay	吳	
hãy	吳	
chịu	吳	accipite
lấy	吳	et
ăn	吳	manducate
của	吳	ex
này	吳	hoc
vì	爲	enim
chứng	爲	
xác	爲	
này	爲	hoc
là	爲	est
xác	爲	Corpus
tao	爲	meum
vì	吳	ad
ngỡ	吳	te
là	吳	
Đức	吳	Deum
Cha	吳	Patrem
ngỡ	吳	Suum
có	吳	
phép	吳	
vô	吳	omnipotentem
cùng	吳	
cũ	吳	
cám	吳	agens
ơn	吳	gratias
ngỡ	吳	tibi
cũ	吳	
đã	吳	
làm	吳	
phép	吳	benedixit
lớn	吳	
sau	吳	
đã	吳	fregit
bẻ	吳	
Ra	吳	
cũ	吳	que
đã	吳	
cho	吳	dedit
các	吳	
đệ	吳	discipulis
tử	吳	
ngỡ	吳	suis

là	吳	qui	yêu	欺 dilectissimi
Kẻ	凡		lành	陳
hôm	歡	pridie	Cầu	玖
trước	吳		Chúa	吳
Khi	欺		Chúng	主
chúa	諸	quam	tôi	衆
chịu	之			行
nạn	狂	passurum		
Dá	匠			
lấy	祀	accepit		
bánh	行	panem		
trao	中	in		
tay	他	manus		
ngài	吳	suas		
là	吳			
tay	歷			
thánh	坐	sanctas		
và	帝	ac		
đáng	當			
phải	師			
kính	敬	venerabiles		
cùng	共	et		
ngửa	諸			
con	昆	elevatis		
mắt	翊	oculis		
lên	蓮	in		
trời	天	Cælum		

cho	朱			
Đức	方			
chúa	主			
trời	天			
chúa	祀	acceptabilem		
lấy	白			
mọi	唐	in omnibus		
đang	底			
để	朱	ut		
cho	特			
được	是			
trời	作	fiat		
nên	朱			
cho	衆	nobis		
chúng	行			
tôi	師	Corpus		
mình	常	et		
và	師			
máu	之	Sanguis		
Jesu	秋	Jesu		
chi	基			
ri	複	Christi		
xi	火			
tô	茅			
Cà	吳	Filii		
con	昆			
ngài	吳	tui		

Lạy	祀	Deus	Cùc	穷 aeterna
Chúa	主		và	常 et
Deo	帝		Kẻ	封 munerans
Của	貼	oblationem	chúng	衆
Đấng	學		tôi	行
có	久	quam	trao	邑 in
thì	好		chiên	中
chúng	衆	quasumus	dân	牌 grege
tôi	行		ngài	送 Tuorum
xin	奠	tu	Đã	吳
ngài	班		chọn	匠 electorum
ban	恭		rồi	埃 per
ơn	白	digneris	Khi	得
làm	朱		rồi	基 Scriptum
cho	吳	facere	xin	複
rằng	貼		tỏ	火
của	底	benedictam	Ngài	茅 Dominum
có	帝		chúng	主
phép	師		tôi	衆 nostrum
đáng	計	adscriptam		行
phải	吳			
Kể	吳	ratam		
đẹp	吳			
lào	師			
phải	理	rationabilem		
mlê	常		chớ	隨 Amen
và	當	que	gì	之
đang				

thuộc	廣	
về	涉	familiae
nhà	茅	
ngài	吳	tuae
đường	學	oblationem
cùng	共	que
lòng	吳	
cho	朱	dignoris
các	食	
ngày	吳	diebus
chúng	衆	nostros
tôi	行	
sống	鞋	in
Đức	特	
bình	平	pace
an	安	
các	共	tua
ngày	吳	
và	常	atque
đấng	底	jubeas
Cứu	救	
lấy	祀	eripi
chúng	衆	nos
tôi	行	
cho	朱	
khỏi	祀	ab
phải	師	
phạt	罰	damnatione
đó	每	

vì	爲	Igitur	Được	特	muniamur
bởi	爲		Sức	特	auxilio
lấy	爲		ng	特	tuo
Đức	爲	Domine	giên	特	protectionis
chúa	爲		giữ	特	
mình	爲		chúng	特	
chúng	爲		tôi	特	
tôi	爲	Dueſumus	nọi	特	in
xin	爲		đang	特	omnibus
cho	爲	ut	vì	特	per
ng	爲		một	特	eumdem
lành	爲		Thi	特	
lành	爲	placatus	ri	特	
chúng	爲		xi	特	Christum
tôi	爲		tô	特	
mà	爲		chúa	特	Dominum
chịu	爲		chúng	特	nostrum
của	爲	accipias	tôi	特	
này	爲	hanc			
chúng	爲	nostra			
tôi	爲				
cô	爲				
tôi	爲				
tạ	爲	Servitutis			
vâ	爲				
hại	爲	Sed			
các	爲	et			
kẻ	爲	Cunctae			

Độc	祿	Coſmae	Amen	陪	
Cô	祿			之	
S	祿				
mà	祿	et			
Cù	祿				
Da	祿	Damiani			
mê	祿				
ão	祿				
và	祿	et			
các	祿	omnium			
thánh	祿	Sanctorum			
ng	祿				
vì	祿	tuorum			
xin	祿				
vì	祿				
Cầu	祿	meritis			
nghĩa	祿				
và	祿	que			
mọi	祿				
Kẻ	祿	quorum			
cầu	祿				
xin	祿	precibus			
ban	祿				
cho	祿	Concedas			
chúng	祿	ut			
tôi	祿				

					Christi
					Sed
					et
					beatorum
					Apostolorum
					ac
					Martyrum
					tuorum
					Petri
					et
					Pauli
					Joanni
					Andreae
					Jacobi
					Joanni

					Tomae
					Jacobi
					Philippi
					Bartolomei
					Matthei
					Simonis
					et
					Thadei
					Lini
					Cleti
					clementis

Chúng tôi thaò Cou và Kính nhớ trước kết ma ni a Sang lang Glọn Đời Đời Trinh là mẹ chúa Deo và chúa chúng tôi Jesu	公行通功常敬汝畏歌瑪後亞州朗爺代童貞吳母主瑪常主公行支秋	Communicantes et venerantes memoriam in primis Mariæ gloriosæ Semper Deiparæ Virginis genitricis Dei et Domini nostri Jesu
mình Kẻ eỹ cứ blá những sự Kẻ eỹ đã khấn cho ngài là chúa Deo hằng có và cùng và Sống thật	命凡父英巴仍事凡父迄愚朱昊主瑪恆古奠穹常建常昊	Sue Que reddunt Sua vota tibi Deo æterno vivo et vero
hay cho Kẻ eỹ và các Kẻ Thuộc về Kẻ eỹ Được Cứu lấy linh hồn mình và trao cho Đức rồi cùng mọi sự bằng an để	仔朱凡父冲爸凡凡凡凡凡特教祕灵魂命冲爸朱持場英勞事平安步	hoc pro Se que omnibus Suis pro redemptione animarum Suarum pro Spe Salutis et incolumitatis

tin và biết Đức Sinh năng Kẻ eỹ vì Kẻ eỹ mà chúng tôi Dâng cho ngài hay là Kẻ eỹ dâng cho ngài của tế lễ người khen	信常月生脏凡父为凡凡耶众行原朱昊貶凡父祭礼獲脩	Fidei et notæ devotio quibus pro quibus nos offerimus tibi vel qui offerunt tibi sacrificium laudis
lạy Đức chúa hãy nhớ những tôi tạ ơn và nữ ngài mõ cùng mõ và các Kẻ chung quanh đây là Kẻ ngài đã biết Đức	神方主奇浪世仍行佐男冲女昊山英某常爸凡支公脆低昊凡昊迄別牙	Domine memento famulorum tuarum n. et n. et omnium circumstantium quorum est cognita
và a pho S to li ca	常亞埔辛苏奇歌	apostolica

tạ	佐	Famulo	
ng.	呈	tuo	
Đức	牙		
thì	雪		
pha	祀	papa	
pha			
chúng	及		
tôi	所	nostro	
nõ	某	n.	
Cù	共	et	
vit	日		
vô	無	Antistite	
chí	名		
tôi	所	nostro	
nõ	某	n.	
và	等	et	
các	各	omnibus	
kẻ	凡		
tin	信	orthodoxis	
kêu	崇		
cù	共	atque	
kính	敬		
thờ	教	cultoribus	
đạo	道	fidei	
Ca	歌		
to	斯	Catholica	
li	有		
Ca	教		
và	中	et	

ôn	恩		-116-
cho	主		
i	失		
ghe	俄	quam	
rẽ	討		
ja	後		
Dịch	服		
bình	特	pacificare	
an	平		
Cù	安		
giìn	共		
giữ	保	Custodire	
và	等		
đẹp	合		
hài	共		
làm	及		
một	共	adunare	
Cù	該	et	
cai	管		
quản	共	regere	
之	及		
Khắp	四	toto	
mọi	海		
nơi	內		
quanh	眩	orbe	
đất	世	terrarum	
làm	人		
một	及	una	
Cù	共	cum	
tôi	所		

lễ	礼		
này	儀	hoc	
là	仍		
phép			
Sự	事	quæ	
trước	各	in	
hết	歐	primis	
chúng	各		
tôi	所		
dâng	奉	offerimus	
cho	先		
ng.	呈	tibi	
vì	爲	pro	
thì	聖	Sancta	
Ghe	討		
rẽ	後		
ja	服		
Ca	教	cho	
tô	共		
li	教	catholica	
Ca	有		
ng.	呈	tua	
mà	爲		
xin	奏		
ng.	呈		
ban	班	dignerij	

ng.	呈	te	
chịu	受		
lấy	祀	habeaj	
như	如	ut	
của	貼		
đẹp	葉	accepta	
lào	美		
phải	保		
mlé	理		
Cù	共	et	
làm	及		
phép	法		
bên	班	benedicaj	
Sao	及		
cho	朱		
nhưng	仍		
Của	貼	dona	
tiến	進		
này	儀	hoc	
nhưng	仍		
Của	貼	munera	
lễ	礼		
này	儀	hoc	
nhưng	仍		
Của	貼		
thì	聖	Sancta	
tinh	淨	illibata	
lễ	祭	Sacrificia	

vì	爲	Igitur	
vậy	之		
lấy	祀		117.
chà	毛	Rator	
rát	怀		
nhân	仁	Clementissime	
lành	慈		
vì	爲	per	
Jesu	支		
	祀	Jesum	
chi	基		
ri	祿		
xi	火	Christum	
tô	苏		
con	孫	Filium	
ng.	呈	Tuum	
chúa	主		
chí	人	Dominum	
tôi	所	postrum	
thì	時		
chúng	各		
tôi	所		
lấy	祀		
lào	共		
Khiêm	謙	Supplices	
nhường	讓		
mà	林		
cầu	求	rogamus	
Cù	共	ac	
xin	奏	petimus	

Canon Missae

敬 Ca

嫩 non

胃 mi

Missae 出 s

樣 sa

LỄ 2U9

Canon Missae

như 如	phù 扶	bởi 奉
kẻ 凡	trì 持	là 是
chăn 牧 Pastores	giữ 護	đấng 主
	giữ 守 Custodian	chăn 牧 Pastor
	để 保	chăn 牧
vì 為	cho 永 et	hằng 恒
fậy 牧 et	nhứ 如	có 有
之 ideo	kẻ 凡 ysdem	vô 無 aeterno
	cai 管	cùng 窮 et
	quản 管 rectoribus	có 有 non
	sửa 修	bổ 補 divinas
	trị 治 gubernatur	dân 民
	là 是	chân 真 gredem
	kẻ 凡 quos	ngã 我 Tuum
	thay 代	mà 而 Sed
	việc 役 vicarias	hãy 求 per
	ngã 我 operis	ngã 我
	mà 而 tui	dùng 用
	ngã 我	các 各 beatis
	để 為	thánh 聖
	dinh 定 Contulisti	tông 宗 Apostolos
	áp 押	đồ 徒
	việc 役 pregse	ngã 我 tuos
	Con 子	mà 而
	chiên 羊 eidem	hằng 恒 Continua
	ấy 之	

trên 上	連	in
những 諸	亦	cœlo
sự 事	所	gloria
ấy 之	朝	
xin 求 que	衆	
Đức 德	行	
chúa 主	事	
bởi 由	事	
lấy 以	主	
mặt 面	之	
lành 善 propitio	心	
và 與	求	
lui 退 Sereno	主	
mà 而	垂	
làm 為	仰	
ơn 恩 digneris	世	
trông 望	愛	
xem 視 respicere	陛	
cùng 與 et	下	
chịu 受	之	
lấy 以 accepta	恩	
như 如 habere	如	
đã 已 sicut	也	
làm 為	為	
ơn 恩 dignatus	是	
chịu 受	受	
lấy 以 accepta	恩	
những 諸 habere	仍	

của 之	貶	hostia
lễ 禮	礼	
thì 時	聖	Sancta
của 之	貶	hostiam
lễ 禮	礼	
thánh 聖	陛	minaces
bích 璧	并	tam
thánh 聖	聖	ganem
hàng 恒	恒	Sanctum
sống 生	賜	Vitæ
vô 無	與	
cùng 窮	永	æternæ
và 與	常	et
chén 盞	斟	Calicem
những 諸	仍	
sự 事	事	
lành 善	善	Salutis
hằng 恒	恒	
có 有	賜	perpetuæ
vô 無	與	
cùng 窮	永	

trên 上	連	in
bởi 由	亦	cœlo
sáng 光	所	gloriæ
láng 朗	朝	
thì 時	衆	
chúng 衆	行	
tôi 我	事	
dâng 奉	事	offerimus
cho 為	主	tuæ
ngã 我	之	
là 是	心	
đấng 主	求	
uy 威	主	
nghi 儀	垂	magestati
tốt 善	仰	
lành 善	世	proclare
bởi 由	愛	de
những 諸	陛	
sự 事	下	
ngã 我	之	tuis
để 為	恩	
ban 賜	如	Donis
cùng 與	也	ac
để 為	為	
chúa 主	是	datis
của 之	受	
lễ 禮	恩	hostia
sạch 潔	仍	purame
sẽ 之	事	

Đức	聖神	Spiritus	và	et
Phi	主		trao	in
ri	孩		lễ	
tô	子		mố	m.
Sang	即		thì	Beatæ
tô	天	Sancti	ma	Mariæ
Đã	迎		ri	
chửa	胎	Concepit	a	
một	及		blộn	Semper
Con	孔	unigenitus	đời	
ngì	子	tuum	đoù	Virginis
mà	常	et	trinh	
Còn	存	permanen	Khaõ	Collaudare
sự	童	te	Khên	
trao	貞	gloria	người	benedicere
và	聖		Khiên	
Đức	母		cù	et
đoù	童	Virginitatis	Kể	
trinh	貞		nhg.	
Cù	共		Sự	
Sinh	生		trnô	
ra	保	effudit	ngì	te
cho	生		là	
thiên	天	mundo	Kể	que
hạ	下		và	et
Sự	萬		bối	obumbratione
			phép	

trao	平			
Prefa	孩			
	後			
tio	花			
riêng	身			
về	母			
các	常			
lễ	童			
viết	禮			
thánh	拜			
Đức	吧			
bà	古			
có	仍			
những	刑			
mối	聖			
riêng	母			
Sau	是			
này				

Sự	主			
tô	耶			
là	穌	Dominus		
chúa	基			
chúng	督	nostrum		
tôi	行			

Sự	主			
chết	耶	mors		
bởi	穌	unde		
nó	基			
mà	督			
vì	行	oriebatur		
và	死			
hại	是	et		
Kẻ	人	qui		
ở	之			
nơi	子	in		
Kêy	天	ligno		
mà	主			
Đã	教			
Phép	會			
trận	的	vincebat		
Cả	聖			
nữa	母	quoque		
Kêy	童	ligno		
mà	瑪			
phải	利			
thua	亞			
trận	的	vincereturus		
vì	聖	per		
Khi	神			
vì	降	Christum		

là	世			
Kẻ	救	qui		
đã	主			
Định	耶	Constituisti		
cho	穌			
loài	基	genitrij		
ngì	督			
tu	降	humani		
Phép	生			
phổi	聖	Salutem		
linh	母			
hồn	瑪			
bởi	利	in		
Kêy	亞	ligno		
Câu	的	Crucij		
rút	聖			
để	母			
cho	童	ut		
Sự	瑪			
Sống	利	vita		
đời	亞			
Sinh	的			
hại	聖	resurgeret		
bởi	母	inde		
một	童			
Cội	瑪			
rễ	利			
Có	亞			

trai	中	
Praefa	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
tio	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
riêng	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
tư	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
lễ	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
nên	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
đã	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
cho	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
đến	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
ngày	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
truyền	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
phép	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
có	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
những	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
mối	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
riêng	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
Sau	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	
nay	後龍機多恩自礼捨後生宜學傳法專門到恩著者	

Cà	凡用	que
Kê	凡用	
Dùng	凡用	
Sự	凡用	
ăn	凡用	
chay	凡用	jejunio
Về	凡用	
xác	凡用	Corporali
mà	凡用	
Dép	凡用	
những	凡用	Comprimij
x	凡用	
nết	凡用	Vitia
cũ	凡用	
Dam	凡用	elevaj
tội	凡用	
Khôn	凡用	mentem
lên	凡用	
và	凡用	
ban	凡用	largiri
nhân	凡用	
Đức	凡用	
cũ	凡用	et
các	凡用	
phần	凡用	
thưởng	凡用	premia

Đấng	凡用	
Sera	凡用	Cherubin
bing	凡用	
cũ	凡用	et
Se	凡用	
ra	凡用	Seraphim
pin	凡用	
người	凡用	
Khen	凡用	Laudant
là	凡用	
Kê	凡用	qui
blut	凡用	
ngày	凡用	quotidie
chẳng	凡用	non
có	凡用	
Khi	凡用	
đừng	凡用	cejant
Kêu	凡用	clamore
cũ	凡用	
mốt	凡用	una
tiếng	凡用	voce
rằng	凡用	dicentij
thánh	凡用	Sanctij
vô	凡用	
vô	凡用	

riêng	凡用	
về	凡用	ire
tính	凡用	
một	凡用	essentia
Sự	凡用	
chung	凡用	
về	凡用	in
tính	凡用	
và	凡用	
bang	凡用	
chau	凡用	
hết	凡用	
về	凡用	in
Sự	凡用	
tuy	凡用	
ngay	凡用	magestate
là	凡用	
Sự	凡用	
các	凡用	quam
đấng	凡用	
an	凡用	
gio	凡用	angeli
cũ	凡用	
a	凡用	atque
re	凡用	
can	凡用	arcangeli
gio	凡用	
và	凡用	quaque

va	哭	
thê	哭	
khác	哭	differentia
nữa	哭	
cho	哭	ut
tỏ	哭	in
xưng	哭	Confessione
va	哭	
tính	哭	
Đức	哭	
chúa	哭	
mối	哭	Deitatij
thật	哭	
và	哭	vere
Sou	哭	que
vô	哭	
cùng	哭	Sempiterne
và	哭	et
thờ	哭	
lạy	哭	adoretur
Sự	哭	
riêng	哭	proprietas
và	哭	in
ngôi	哭	personij
và	哭	et
một	哭	unitas
Sự	哭	

tỏ	說	revelaste	một	位	unum
rằ	與		ngôi	位	persone
thì	父		mà	爾	
chúng	子		bại	天	- 124 -
tôi	行		bổi	主	Sed
Cứ	接		Có	主	in
tin	接	Sentimus	ba	巴	
Sự	子		ngôi	巴	Trinitate
eỹ	父	hoc	Cứ	位	
về	者	de	một	位	unum
Con	者	Filio	tính	性	Substantiae
ng.	者	tuo	vì	爲	
Cứ	接		chúng	衆	enim
tin	接		Sự	主	
Sự	子	hoc	nào	爾	quo
eỹ	父		chúng	衆	
về	者	de	tôi	行	
Đức	者		tin	接	Credimus
chúa	主		về	者	de
phi	至	Spiritu	Sự	主	
ri	接		Sang	爾	
tô	苏		trọng	榮	gloria
Sang	爾	Sancto	ng.	者	tuae
tô	苏		bổi	主	
mà	爾		ng.	者	te
chẳng	者	Sine	Đấng	主	
Có	主				
phân	者	discretione			

Là	是		Kẻ	凡	qui
Kẻ	凡		hợp	合	
hợp	合		cùng	共	
cùng	共		một	一	
một	一		Cứ	我	cum
Cứ	我	cum	một	一	
một	一		Con	昆	unigenito
Con	昆	unigenito	ng.	者	Filio
ng.	者	Filio	tuo	爾	tuo
tuo	爾		và	與	et
và	與	et	Đức	主	
Đức	主		chúa	至	Spiritu
chúa	至	Spiritu	phi	至	
phi	至		ri	接	
ri	接		tô	苏	
tô	苏		Sang	爾	Sancto
Sang	爾	Sancto	tô	苏	
tô	苏		mà	爾	
nên	年	ey	nên	年	ey
một	一	unum	một	一	unum
Đeo	我	Deum	Chúa	主	Dominum
nên	年	ey	chúng	衆	non
một	一	unum	phải	所	
Chúa	主	Dominum	là	是	
chúng	衆	non	bổi	以	in
phải	所		Có	有	
là	是		riêng	獨	Singulari.
bổi	以	in			tate
Có	有				
riêng	獨	Singulari.			
		tate			

Trao	授		xuống	降	
Bởi	授		là	是	
	授		ngày	日	quo
tio	授		Đức	主	
riêng	獨		chúa	主	Spiritu
về	爲		phi	至	
lẽ	禮		ri	接	
	禮		tô	苏	
bà	婆		Sang	爾	Sancto
ngôi	位		tô	苏	
	位		Đã	已	
Có	有		Cấy	降	
	有		linh	靈	
	有		hồn	魂	
	有		hình	形	Linguis
nhiều	多			形	
	多		Kẻ	凡	
	多		chẳng	不	
	多		xiết	切	innumeris
	多			切	
mà	而			而	
hiện	現	apparuit		現	
đến	至			至	
	至			至	
Cứ	我			我	
các	各	Apostolis		各	
tôi	我			我	
đồ	徒			徒	
	徒			徒	
Vô	無	Sed		無	
	無			無	
hai	二	et		二	
vân	云			云	
vân	云			云	

mà	爾	
rằng	爾	Dicentes
chẳng	不	
	不	Sine
Có	有	
Khi	時	
	時	
	時	
Dùng	用	fine
	用	
	用	
	用	
Thánh	聖	Sancti
vân	云	
vân	云	
	云	
	云	

đấng	等	virtutes	
vì	爲		
tu	修		
ti	士		
trên	天	Superne	
blời	上		
cùi	主	atque	
các	各		
đấng	等	Potestates	
là	爲		
đấng	等		
thiên	天	Angelicæ	
thần	神		
hát	唱	Concinunt	
kính	敬		
mừng	賀	hymnum	
sự	事	gloriæ	
sang	榮		
tráo	耀	tua	
ngì	主		

Sang	郎	Sanctum	
tô	徒		
nhà	家		
mlời	人		
ngì	主		
đã	許	promisum	
hứa	諾		
nhân	因	quapropter	
vì	爲		
sự	事		
ấy	此		
là	爲	tatis	
và	與		
thế	世	mundi	
gian	間		
ở	在	in	
quanh	周	orde	
đất	地	terrarum	
lấy	以		
sáo	笛		
tui	管	gaudii	
vè	琴		
hết	等		
sức	力	profusis	
mà	而		
mừng	喜	exultat	
và	與	Sed	
hai	二	et	
các	各		

kẻ	凡	qui	
là	爲		
kẻ	人		
đã	已		
lên	升	ascendit	
mlời	人		
trên	天	Super	
các	各	omnes	
cùi	諸	que	
nghề	等		
bên	邊	edens	
hữu	右	ad	
ngì	主	dexteram	
tráo	耀	tua	
ngày	日	die	
hôm	今	hodierna	
nay	日		
đã	已		
ban	班	effudit	
cho	賜		
những	仍	in	
con	子	Filios	
mi	爾		
Đức	聖	adoptionis	
chúa	主		
phi	後	Spiritum	
ní	山		
Sang	榮		
tô	耀		

trào	朝		
Profa	後		
tio	山		
riêng	獨		
về	爲		
Đức	聖		
chúa	主		
phi	後		
ní	山		
tô	爲		
Sang	榮		
tô	耀		
Có	有		
những	仍		
mlời	人		
riêng	獨		
Sau	後		
nay	今		

Để	欲	Solo cavit	
bên	並	in	
hữu	右	dextera	
ngì	主	tua	
Sang	榮	gloria	
lang	耀		
tô	爲		
Cùi	諸		
Và	及	Sed	
hai	二	et	
vân	人		
vân	之		

chúng	衆		
tôi	我		
thông	通	Communicantes	
cùi	諸		
mà	而	et	
kính	敬	venerantes	
ngày	日	diem	
nhất	一		
thì	時	Sacratissimam	
là	爲		
ngày	日	quo	
chúa	主	Dominus	
chúng	衆	nostrum	
tôi	我		
là	爲		
một	一	unigenitus	
con	子	Filius	
ngì	主	tuus	
Đam	擔		
tính	性	Substantiam	
yếu	安		
đuối	弱	fragilitatis	
chúng	衆		
tôi	我	nostræ	
hợp	合		
hai	二	unitem	
cùi	共		
ngì	主	Sibi	
ma	麻		

chúng tôi thoâ Coù qui Kính ngày rất thiêng Jesu	众符通功學教學徒支秋學祭三名符西基庚常可尭鈎	Communicantes et celebrantes diem sacratissimum Jesu
là chúa chúng tôi Đã Soù lại về phần xác thịt Về Kai	是	Christi Domini nostri Qui resurrexit secundum carnem Sed et
là của chúng tôi dâng cho ngày với những ngày nữa là Kê ngày Đã Lấy nước Cùu lấy ơn Đức chúa phi ri tô Sang tô mà ban ơn	思敗众符原朱是符仍是日是女英几是已祀度英祭是万主支後苏山苏帝班是	Quam offerimus Tibi pro hac quoque quos ex aqua et Spiritu Sancto dignatus es
cho Kê ey Sinh hại Cù ban thiêy tha các tôi cho Kê ey Vâi vân	朱几众生夷英班陆赦众平朱几众	regenerare tribuens remissionem omnium peccatorum ei
trao Profa tro riêng về ngày lễ đức chúa Jesu lên mình Có những mình riêng San này	平祀後苏為恩常是礼符主支秋生陆符西仍阎是基已	

trên bởi cho Đức Lạm cho chúng tôi Đức thâu Coù thính Đức chúa bởi là tính ngiêu Voi Ecy Vâu vân	遠符多特多朱符符通功性符主符是性多符	in coelum et tribuerat nos esse participes divinitatis Sua et ideo
là Kê Khi ng. Đã Soù hai Đã hiện Ra tỏ tường Cù Các Đêy tô ng. và Đang Khi Kê ey xem thêy Đã Cất mình lên	眾几敗是已是已是已

Đức phá sự chết chúng tôi cũ đã sống lại mà chúa lại sự sống chúng tôi vì lẽ	特破事死符我也那與人可生符 等五	destruxit mortem nostram et resurgendo separavit Vitam nostram ideo	
Dừng trước lẽ này đã phải lễ lễ vì chúng ngài là con chiên thật đã cất những tội thiên hạ cũ là kẻ đã chịu chết cho	西中礼尼也所祭礼丙羹是吳羔毛毛拔仍亦天下拔吳几也亞那吳	immolatus enim ipse est agnus verus qui abstulit peccata mundi qui moriende	-130-
lấy chúa Đức thì phải sao lẽ nhất là trước ngày hôm nay là lẽ nhất là trước thì ngày là Chi	徒主眠那年及宿一吳中是年能尼咗吳一殺中并合吳與基後咗茅吳敗符	Domine quidem Sed potissimum in die hac vel potissimum in tempore hoc cum christus Pascha nostrum	

Nhất là sự đã đáng và cũng bằng phải nước cũ cùm để cảnh sự cũng nhiều trước mà người khen ngài một thì	実是色必咗年年所理共多是於年祀仍到至代林京香是乃歎	vere est dignum et justum aquum et salutare Sed gloriosus predicare te omni tempore	-131-
trước Được riêng về lẽ phục sinh Có những nhiều riêng Sau này	中耶後祀樣身盟茅礼海生年点仍到盟茅已		
xác trước mặt người ta và lại	荒是未是些尼夫云	visibilitey Sed et	

là	果	quo
ngày	學	
một	及	unigenitus
Con	就	
ng.	是	tuus
hằng	性	
Sou	就	
làm	白	
một	及	cum
Cù	共	te
ng.	學	
ở	帥	in
nơi	位	
Sang	榮	gloria
trọ	爵	
ng.	是	tua
Đã	性	in
lấy	白	
thật	就	veritate
xác	虎	
thịt	約	carnis
chúng	行	nostræ
tôi	教	
mà	科	
hiện	現	apparuit
ra	果	
có	身	
hình	形	corporalis

hay	性	immortalitatis
chết	拘	
mà	教	
Cứu	教	Separavit
lấy	就	
chúng	約	nos
tôi	教	
Lấy	考	et ideo
vì	考	
chúng	約	
tôi	教	
thoù	通	Communicantes
Cùng	功	et
và	常	
Kính	敬	celebrantes
ngày	學	diem
rất	保	
thánh	聖	Sacratissimum

vì	爲	quia
chúng	果	
Khi	就	cum
một	及	unigenitus
Con	果	
ng.	是	tuus
Đã	性	
lấy	就	
tính	白	Substantiam
chúng	共	nostram
tôi	教	
là	科	
Kẻ	教	
hay	拘	mortalitatis
chết	教	
mà	科	
hiện	現	apparuit
đến	是	
thì	性	
Đã	白	
lấy	就	lucem
Sự	白	
Sáng	就	nova
mới	是	
ng.	學	Sua
là	果	
ngày	學	
chúng	教	

là	果	quo
ngày	學	
Đức	及	
Đức	是	virginitas
trinh	性	
bền	就	intemerata
vẹn	白	
thì	共	beata
ma	教	
ri	是	Maria
a	性	
Đã	就	
sinh	白	edidit
ra	共	
chúa	教	Salvatorem
Cứu	是	
thế	性	mundo
cho	就	
thế	白	
gian	共	mundo
nay	教	
và	是	Sed
hai	性	
Cù	就	et
Kính	白	
nhớ	共	veneranta
trọng	教	
hết	是	in
một	性	primis
	就	ejusdem

ma	瑪	Mariæ
ri	利	
a	亞	
có	童	
sang	貞	gloriosæ
láng	女	
bền	常	Semper
đời	貞	
đời	女	virginis
trinh	瑪	
là	利	genitricis
mẹ	亞	
chúa	主	ejusdem
một	教	Dei
Đấng	天	
có	主	

Presbyterio	中	
pha	北	
tio	後	
riêng	部	
về	後	
lễ	白	
bổ	多	
vua	瑪	
Có	瑪	
những	瑪	
Mối	瑪	
riêng	瑪	
Sau	瑪	
ngày	瑪	

ngỉ	是	
mà	森林	
xưởng		
rằng	辰	dicentes
chẳng	香	sine
có	点	
khi	數	
riêng	別	fine
thánh	聖	Sanctis
vân	云	
vân		
chúng	众	
tôi	行	
đã	通	
thoả		Communicantes
Công	功	
và	崇	et
Kính	敬	celebrantes
Đêm	夜	noctem
rất	聖	Sacratissimam
thì	隱	vel
hay		
tài		diem
ngày	委	
rất		
thì		Sacratissimum

này	仁	
và	嘗	et
Du	由	
mi	胃	Dominati
na	那	onibus
Si	根	
o	爲	
này	仁	
và	嘗	que
cùu	共	cum
các	各	omni
đội	隊	militia
quân	軍	
thì	兵	exercitus
binh		
thiên	天	
đường	堂	Cœlestis
mà	林	
hát	唱	Canimus
Kính	敬	hymnum
ngày	谷	
đêm	晝	
Sự	事	
Sang	榮	gloriæ
trọng	重	

Sự	事	
xem	視	vivisibili
chẳng	不	um
thấy	体	
với	与	et
Đấy	爲	deo
chúng	众	
tôi	行	
hợp	合	
nhau	爲	
cùu	共	cum
các	各	
đứng	等	
an	安	Angelis
jo	苏	
và	等	et
à	達	
rê	設	Arcangelis
can	于	
gio	苏	
cùu	共	cum
gio	苏	
rô	暑	Thronis

mắt	耳	oculis
thì	知	
khôn	中	mentis
chúng	众	
tôi	行	nostra
cho	朱	ut
nên	于	
đáng	爲	dum
khi	歌	
chúng	众	
tôi	行	
xem	視	Visibiliter
biết	別	Cognoscimus
Của	主	
Deo	帳	Deum
với	与	per
Đấng	爲	
này	是	hunc
mà	每	
Cầu	主	
chúng	众	
tôi	行	
thường	仍	mplamur
về	番	in
nên	勉	amorem
chúng	仍	

vì	爲	
chúng	衆	quia
bởi	要	
phép	法	per
mầu	牟	
nhiệm	曲	mysterium
ngôi	密	
Thiên	天	verbi
hoá	出	
đã	迦	
Cầy	祀	
tính	性	
xác	完	incarnati
thể	纲	
mình	丹	
thì	丹	
Sự	事	
Sáng	光	lux
mới	買	nova
bởi	委	
Sự	万	
Sáng	等	claritatis
ngày	新	tuæ
mà	世	
ra	世	
đã	迦	
Soi	焰	infulsit
Con	記	

Trào	中	
phe	祝	
ri	後	
phu	施	
Si	母	
o	聖	
riêng	子	
về	耳	
ngày	万	
lễ	主	
Sinh	支	
nhật	秋	
Đức	丽	
Chúa	丹	
Jesu	剖	
Có	迦	
những	豆	
mầu	生	
riêng	月	
Sau	日	
này	支	

夫 bai 仍 nhũng 每 mỗi 吃 chung 吃 Đã 吃 cắt 吃 nghĩa 吃 trao 吃 prafa 吃 tio 吃 chung 吃 trước 吃 này	Sau 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 nay 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 ta 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 cắt 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 nghĩa 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 nhũng 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 mỗi 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 riêng 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 ở 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 trão 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 Các 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 Prafa 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 tio 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 riêng 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 trão 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 năm 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 Sáo 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 le 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 chũng 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 Có 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計 Kẻ 娶 此 處 天 仍 劍 盈 夫 中 谷 孤 後 龍 樣 身 墨 中 鈞 及 南 公 次 計	136	chúc 祝 benedictus phước 福 kẻ 孔 qui đến 迨 venit nhân 旦 in tên 用 nomine Đức 先 chúa 主 Domini blời 天 hát 曷 hosana mừng 明 ở 於 trên 達 in blời 天 excelsis

các 各 blời 天 cœli và 嘗 et đất 地 terra nên 平 sunt đầy 登 pleni sự 事 sang 郎 trọng 重 gloria ngài 吉 tua	thánh 聖 Sanctus .. 130 thánh 聖 Sanctus thánh 聖 Sanctus chúa 主 Dominus Đeo 佩 Deus Sa 沙 ba 巴 Sabaoth Sabaoth 軋	Đức 爲 Khiến 請 Supplici nhường 符 mà 林 ở xưng 林 Confessione vững 很 dicentis	

Đứng	等	
ny	顯	magestatem
ngày	度	
ng.	等	tua
chúng	久	
tôi	行	
cầu	技	et
xin	真	deprecamur
ng.	等	ut
đoái	牧	jubeas
chiu	足	admitti
lấy	祀	
nhũng	仍	
tiếng	嘯	voces
chúng	久	
tôi	行	nostras
làm	白	
một	段	
cùi	共	cum
các	公	
đứng	等	quibus
cũ	久	
đang	敬	
khi	久	
chúng	行	
tôi	祀	
lấy		

Kính	驚	Iremunt
khũng	恐	-138-
các	等	
bậc	剩	coeli
cùi	共	que
các	等	
đứng	等	virtute
làm	久	
cho	朱	
đạu	勤	
các	等	
bậc	久	coelorum
và	等	ac
các	等	
si	嘯	
thì	等	beata
na	等	
phin	等	Seraphim
mường	等	
và	等	exultationem
cùi	共	
nhau	等	Socia
mà	等	
khão	等	concelebrant
khen	等	

bởi	等	
ng.	等	Per
mà	等	quem
các	等	
đứng	等	
an	等	angeli
jo	等	
người	等	
khen	等	laudant
các	等	
đứng	等	
ju	等	Dominatio
mi	等	ne
na	等	
si	等	
o	等	
nay	等	
thờ	等	adorant
lạy	等	
các	等	
đứng	等	
pho	等	Potestates
tê	等	
s	等	
ta	等	
te	等	

lạy	祖	
chúa	主	Domine
thì	聖	Sancte
là	父	Pater
cha	天	
có	主	omnipo
phép	奴	tens
vô	穷	
cùi	跛	
cùi	眼	
lấy	眼	Deus
Đeo	恆	
hằng	永	
có	生	aeterne
vô	分	
cùi	等	
ui	等	Per
	等	
	等	
	等	
	等	Christum
chúa	主	
chúng	久	Dominum
tôi	行	nostrum

thật	眞	
lẽ	理	Vere
Sự	事	est -138-
chính	正	
đáng	等	dignum
và	等	et
tenj	等	justum
cầu	等	
bằng	等	
phải	等	
mẽ	等	equum
cùi	等	et
làm	等	
ơn	等	
cảnh	等	Salutare
Sự	等	
chúng	等	nos
tôi	等	
Cám	等	agere
ơn	等	
cho	等	gratias
ng.	等	
	等	tibi
mãi	等	Semper
mãi	等	
và	等	et
	等	
	等	ubique
khắp	等	
mọi	等	
nơi	等	

chúng	久	
tôi	行	
phải	等	agamus
Cám	等	
ơn	等	gratias
chúa	主	Domino
Deo	等	Deo
chúng	久	
tôi	行	nostro

thiệt	等	
	等	
	等	
ely	久	
là	等	est
Sự	等	
đã	等	
đáng	等	dignum
và	等	
cùi	等	
bằng	等	justum

Các 各 Conda cáo 告 phái 拜 trước 爇 lên 香 Sunfum	Đức 德 Dominuy chúa 主 bởi 爲 cùi 共 bay 拜 Vobiy	phê 批 Lafatio rê 後 pha 爵 ti 甲 o 身 chung 衆 Communiy
thừa 蹄 R chúng 衆 tôi 我 có 共 cáo 同 hướng 祈 về 求 Đức 天 chúa 主 nuôi 養 habeniy ad Dominum	thừa 蹄 R và 嘗 et cùi 共 Linh 靈 Spiritu bổn 本 ng. 尊 tuo	cho 朱 Per cên 旦 omnia các 各 đời 代 Sæcula đời 世 Sæculorum
		thừa 蹄 R chò 諸 gì 之 Amen

	tôi 我 cùi 共 cả 有 và 嘗 thì 至 nghe 欽 rê 後 ja 爵 ng. 尊 Quæ totiuy Sanctæ Cælesti Sua	xin 願 Đức 天 chúa 主 bổi 爲 chiu 受 bấy 祭 của 敗 tế 祭 lễ 禮 bởi 爲 tay 手 thày 祭 chí 指 về 求 nghề 職 khen 贊 và 嘗 làm 爲 cho 朱 sáng 明 tên 名 ng. 尊 cùi 共 chí 指 về 求 làm 爲 ích 益 cho 朱 chúng 衆 Dominuy Sacrificium Te manibuy tuiy ad Laudem et gloriæ nominiy Sui usque ad utilitatem nostram
nhờ 仍 Kính 經 phê 批 rê 後 pha 爵 ti 甲 o 身 Trào 朱 ffót 律 năm 年 Ergatione per totum annum	chò 諸 gì 之 Amen	

thánh	聖	Sancta
ba	三	Trinitas
ngôi	位	
hãy	矣	Suscipe
chịu	受	
lấy	取	oblationem
của	之	
đấng	主	hanc
mình	己	
là	是	quam
của	之	
chúng	衆	
tôi	我	offerimus
dâng	奉	
cho	與	tibi
ngài	爾	
bởi	因	ob
nhớ	記	memoriam
những	諸	
sự	事	passionis
khốn	困	
nạn	難	
sự	事	resurrectionis
sống	生	
lại	復	et
và	與	
sự	事	ascensionis
lên	升	
trời	天	Jesu
Jesu	耶穌	Jesu
Christi	基督	Christi
Đấng	主	Domini
chúng	衆	nostri
tôi	我	et
cùng	與	in
chỉ	指	
về	向	
Kính	敬	Beatæ
thánh	聖	
Mariam	瑪利亞	Mariæ
Đức	德	
Trinh	貞	Semper
Trinh	貞	Virginis
cùng	與	et
thánh	聖	Beati
Joan	若翰	Joannis
Baptista	洗禮者	Baptistæ
và	與	et

chúng	衆	nobis
tôi	我	et
cùng	與	
xin	求	illi
Kẻ	彼	
có	有	dignentur
làm	為	intercedere
cầu	求	
cho	為	pro
chúng	衆	nobis
tôi	我	in
ở	在	
trên	上	cœlis
blời	天	
là	是	quorum
Kẻ	彼	
chúng	衆	memoriam
tôi	我	
nhớ	記	agimus
đến	及	in
ở	在	terris
dưới	下	
đất	地	per
vì	為	eumdem
một	一	
Khi	基	Christum
ri	督	
Đấng	主	Dominum
chúng	衆	nostrum
tôi	我	
ở	在	
trên	上	
blời	天	
là	是	
Kẻ	彼	
chúng	衆	
tôi	我	
nhớ	記	
đến	及	
ở	在	
dưới	下	
đất	地	
vì	為	
một	一	
Khi	基	
ri	督	
Amen	阿門	Amen
anh	兄	Fratres
em	弟	
hãy	矣	orate
nguyện	願	
cho	為	ut
của	之	
tôi	我	meum
và	與	ac
bày	陳	vestrum
tế	祭	sacrificium
lễ	禮	
nên	成	fiat
của	之	
đấng	主	apud
cho	為	Deum
Đeo	天	
chà	主	Patrem
có	有	omnipotentem
phép	權	
vô	無	
cùng	窮	acceptabile
chịu	受	
lấy	取	

chio	諸	in
bố	神	per
nhật	求	day
linh	過	animam
hồn	於	meam
tôi	其	cum
cùng	凡	mig.
kẻ	分	et
dữ	其	vitam
cùng	子	meam
sự	世	cum
sống	於	viri
tôi	其	
cùng	仍	
những	是	
người	男	
nam	世	
hay	諸	
đổ	神	
máu	阿	Sanguinum
người	是	
ta	必	

ở	支	in
nơi	天	manibus
tay	極	
kẻ	凡	quorum
có	人	Sunt
nhiều	法	
tội	而	iniquitate
bởi	每	
tay	極	dextera
mặt	相	eorum
nó	快	
đã	色	est
ra	喂	
đầy	音	repleta
những	仍	
của	敗	
tục	受	
bỏ	賂	muneribus

song	平	autem
tôi	分	
đã	吾	Ego
biết	必	Sum
lạo	色	ingressu
khi	歌	in
chẳng	在	innocentia
tội	而	
gì	之	
trước	中	
mình	而	mea
hãy	受	
cứu	救	redime
lấy	恐	
tôi	分	me
cùng	其	et
thương	後	miserere
xem	分	
tôi	其	mei

chân	真	Per
tôi	分	meum
đã	地	
ở	支	stetit
nơi	天	in
ngay	道	directo
ở	支	in
những	仍	
nơi	求	
nhà	是	
thì	世	coelestis
thì	分	
tôi	爵	
khen	發	benedicam
người	是	
ngài	世	te
lạy	諸	Domine
Đức	阿	
chúa	是	
trời	必	

mọi	勿	
sự	可	
sáng	命	gloria
trào	重	
cho	世	
Đức	代	Patri
chúa	代	
cha	常	et
và	及	
Con	子	Filio
và	世	et
phi	代	
ri	常	Spiritui
tô	及	
Sang	後	Sancto
tô	世	

như	如	Sicut
đã	是	
có	必	erat
thủ	在	in
trước	萬	principio
hết	歌	
và	常	et
ngày	及	nunc
và	常	et
mãi	及	Semper
đời	世	Seculo
đời	代	Seculorum
và	常	
chớ	諸	Amen
gì	之	

Lay chúa Đức bởi Đã ayeu mến Sự tốt lành nhà ng. Cù nơi chúa Sự Sang Trọng người	神主者也 敗 愛 存 之 居 所 榮 光 尊 者	Domine dilexi decorem Domus tuæ et locum habitationis gloriæ Tuæ
cho Được nghe tiếng Khảo Khiên Cù Kể Mọi Sự lạ người	朱特通 聞 聲 討 的 事 業	ut audiam Vocem et enarem universa mirabilia tua
tôi Sẽ rửa tay tôi trong Kẻ chẳng có tội và tôi Sẽ Đi chung quanh bàn ng. Lay Đức chúa mình	矜任 限 洗 所 中 仍 凡 本 亦 罪 崇 於 任 姿 於 祭 壇 事 神 主 者	Lavabo manus med inter innocentes et circumdabo altare tuum Domine

mà Tôn kính tên thánh chúa Đeo	恭 迪 敬 先 聖 主 帝	preparatum nomini Sancto tuo
Kính Đưa thánh Đã viết chúa mình	經 主 聖 耶 日 文	Psalmus
xin chúa Đeo Có phép vô cùng Có vô cùng hay làm cho mọi Sự nên thánh Đến cùng làm phép bền sau cho các tế lễ này chúng tôi Đã	真 主 眺 太 法 無 窮 極 大 無 窮 啦 為 朱 爲 聖 作 聖 旦 英 公 法 迪 双 朱 貶 祭 礼 長 行 迪	Deus omnipoten aterne Sanctificatur Verti et benedic Sacrificium hoc
hôm nay thế nào cho Đấng Đẹp lắm người lay chúa Đeo	欲 仁 体 光 朱 特 業 主 神 主 帝	Ro die Sic ut placeat tibi Domine Deus

Lạy Đức chúa mối	雅主	Domine	ng. Đức chúa mối	雅主	tue
xin	求	à	uy	求	Divine
ng. chịu	主	te	nghe	主	magestatis
lấy	受	Suscipiamus	cho	受	pro
chúng tôi	祭		chúng tôi	祭	nostra
có	祭	in	Cả	祭	et
lòng	祭	Spiritu	cả	祭	totius
khiêm	祭	humilitatis	thế	祭	mundi
nhường	祭		gian	祭	
và	祭	et	Được	祭	Salute
có	祭	in	rỗi	祭	
lòng	祭	animo	linh	祭	
ăn	祭	Contrito	hồn	祭	
năn	祭				
tội	祭				
và	祭	et			
xin	祭				
cho	祭		cho	祭	
chúng tôi	祭	Nostrum	gì	祭	Amen
Được	祭				
tế	祭	Sacrificium			
trước	祭	in			
mặt	祭	Conspectu			
ng.	祭	tuo			

Lạy chúa Đeo	雅主	Deus	nước	陰	aqua
Cả	雅主		và	陰	et
kẻ	雅主	qui	rượu	陰	vini
đã	雅主	condidisti	mầy	陰	hujus
dựng	雅主		cho	陰	esse
nên	雅主		Được	陰	
bậc	雅主	dignitatem	thông	陰	Consortes
tính	雅主	Substantiæ	công	陰	
ng.	雅主		tính	陰	
ta	雅主	humanæ	đức	陰	divinitatis
cách	雅主		chúa	陰	
lạ	雅主	mirabiliter	mối	陰	
cả	雅主	et	cả	陰	
dấy	雅主		kẻ	陰	ejus
chữa	雅主	reformasti	làm	陰	qui
lại	雅主		ơn	陰	est
cách	雅主		chịu	陰	dignatus
lạ	雅主		lấy	陰	fieri
hơn	雅主		phần	陰	particeps
hay	雅主	dare	tính	陰	
ban	雅主		loài	陰	humanitatis
ơn	雅主		ng.	陰	
cho	雅主		chúng	陰	nostræ
chúng tôi	雅主	nobis	tôi	陰	
vì	雅主	per	Là	陰	
phép	雅主		Jesu	陰	Jesus
mầu	雅主		Khi	陰	
nhiệm	雅主	misterium	ri	陰	Christus
			S	陰	
Con	雅主	Filius			
ng.	雅主				
chúa	雅主	Dominus			
chúng tôi	雅主	noster			
là	雅主				
kẻ	雅主	qui			
sống	雅主	vivit			
và	雅主	et			
trị	雅主	regnat			
cùng	雅主	Cum			
ng.	雅主	te			
làm	雅主				
một	雅主	in			
cùng	雅主	unitate			
Đức	雅主				
chúa	雅主	Spiritus			
phi	雅主				
ri	雅主				
tô	雅主				
Sang	雅主	Sancti			
tô	雅主				
cả	雅主				
Cả	雅主				
chúa	雅主	Deus			
Đeo	雅主				
cho	雅主	per			
Đến	雅主	omnia			
các	雅主	Sæcula			
đời	雅主				
đời	雅主	Sæculorum			
ngày	雅主				
gì	雅主	Amen			

Để	依靠	ut	Biểng	丙行	negligentij	Là	吳行
mà	為		tôi	吳行	meij	tôi	吳行
làm	為	profiuat	cù	吳行	et	ng.	吳行
ích	為		vì	吳行	pro	Đâng	吳行
cho	為	mihi	các	吳行	omnibuj	cho	吳行
tôi	為		Kẻ	吳行		ng.	吳行
và	為	et	ở	吳行		la	吳行
kẻ	為		chung	吳行	Circumstan-	Deo	吳行
cậy	為	illij	quanh	吳行	tibuj	tôi	吳行
Được	為	ad	Đây	吳行		Sôu	吳行
với	為		về	吳行	Sed	vì	吳行
linh	為	Salutem	hai	吳行	et	thật	吳行
hồn	為		vì	吳行	pro	vì	吳行
mà	為	in	các	吳行	omnibuj	những	吳行
Sôu	為		Kẻ	吳行		tôi	吳行
vô	為		tin	吳行	Fidelibuj	chẳng	吳行
cùc	為	aeternem	Đạo	吳行		Kẻ	吳行
			Khi	吳行	Christianij	ất	吳行
			vì	吳行		và	吳行
			ſ	吳行		những	吳行
			tô	吳行		Sự	吳行
			Kẻ	吳行		thất	吳行
			Còn	吳行		Sáo	吳行
			Sôu	吳行	vivi	cù	吳行
			Kẻ	吳行		những	吳行
			cù	吳行	atque	Sự	吳行
			Đã	吳行		Làm	吳行
			chết	吳行	Defunctij		

chỗ	陪	Amen	gì	陪			

Sôu	世	Vitam	Đức	主	Dominus	lay	祖
Đời	代	Saeculi	chúa	主		chà	祖
Sau	世		Blời	主	- 151 -	thánh	祖
Sẽ	世	Venturi	ở	主	Cum	có	祖
Đến	世		cùc	主		phép	祖
			bậy	主	Vobij	vô	祖
						cùc	祖
						là	祖
						Deo	祖
						Đâng	祖
			thuốc	陳	R	Có	祖
			và	陳	et	vô	祖
			ở	陳	cum	cùc	祖
			cùc	陳		hằng	祖
			linh	陳	Spiritu	chiu	祖
			hồn	陳		lấy	祖
			ngài	陳	tuo	Của	祖
chỗ	陪	Amen	gì	陪		Lễ	祖
						Sách	祖
						Lễ	祖
						này	祖
						là	祖
						Của	祖
						tôi	祖
						là	祖
						Kẻ	祖
						chẳng	祖
						Đâng	祖
						cùc	祖

Pater
Sancte
omnipotens
Deus
aeterne
Suscipe
hostiam
immaculatam
hanc
quam
ego
Indignus

Và	等方主昆	que	nói	仍也	est
Đức chúa	現況共	Filio	miệng	仍也	pro
Con	昆几	procedit	những	仍也	
hiện	陣踪		phép	仍也	prophetay
ra	祿共		rô	仍也	
Cùi	或有	qui	phép	仍也	
là	白及		ta	仍也	
Kẻ	共昆	adoratur	tôi	仍也	
phải	几		Cùi	仍也	et
thờ	陣		tin	仍也	
lạy	踪		Có	仍也	in
Cùi	祿	et	một	仍也	unam
ngì	共		thánh	仍也	
Khen	或有	Conglorificatur	Ca	仍也	Sanctam
Cùm	白及		tô	仍也	
một	共	Simul	lí	仍也	
Cùi	几	Cum	Ca	仍也	
Đức chúa	陣		Và	仍也	et
chí	吒	Patre	a	仍也	
Cùi	共	et	pho	仍也	Apostolicam
Đức chúa	方主				
Con	昆	Filio			
Cùi	共				
là	昆几				
Kẻ	判	qui			
phán	吒				
Tha	吒	locutu			

Lê	祿核		nói	仍也	
Si	祿核		miệng	仍也	
a	祿核		những	仍也	
tôi	祿核	Confiteor	phép	仍也	
xưng	祿核		rô	仍也	
ra	祿核		phép	仍也	
một	祿核	unum	ta	仍也	
phép	祿核		tôi	仍也	
rửa	祿核	baptisma	Cùi	仍也	et
tôi	祿核		tin	仍也	
Để	祿核		Có	仍也	in
mà	祿核	in	một	仍也	unam
tha	祿核		thánh	仍也	
những	祿核	remissionem	Ca	仍也	Sanctam
tội	祿核		tô	仍也	
và	祿核	peccatorum	lí	仍也	
tôi	祿核		Ca	仍也	
trông	祿核	et	Và	仍也	et
Sự	祿核		a	仍也	
Sống	祿核	expecto	pho	仍也	Apostolicam
lại	祿核				
những	祿核	resurrectionem			
Kẻ	祿核				
chết	祿核	mortuorum			
Cùi	祿核	et			
Sự	祿核				

phi	至吳		mình	奇虛	Cœlum
lá	至吳	Pilato	ngồi	奇虛	Sedet
tô	至吳		bên	奇虛	
đã	至吳		hữu	奇虛	dexteram
chịu	至吳	passus	Đức	奇虛	
nạn	至吳		chúa	奇虛	Patris
Cùi	至吳	et	Và	奇虛	et
phải	至吳		lại	奇虛	
táng	至吳	sepultus	sẽ	奇虛	iterum
Cùi	至吳	et	đến	奇虛	
đã	至吳		xét	奇虛	venturus
sống	至吳	resurrexit	xử	奇虛	cum
lại	至吳		ngoài	奇虛	gloria
ngày	至吳	die	Sáng	奇虛	
thứ	至吳		láng	奇虛	
ba	至吳	tertia	phán	奇虛	judicare
như	至吳	Secundum	xét	奇虛	
đã	至吳		Kẻ	奇虛	
chép	至吳	Scriptum	Sống	奇虛	vivos
trước	至吳		và	奇虛	et
Sớm	至吳		Kẻ	奇虛	
trước	至吳		chết	奇虛	mortuos
Cùi	至吳	et	ngì	奇虛	
đã	至吳		Sẽ	奇虛	cujus
lên	至吳	ascendit	trị	奇虛	regni
trên	至吳	in	nước	奇虛	
			chẳng	奇虛	non
			Có	奇虛	erit
			Khi	奇虛	

hết	敗	finis	Và	等方主昆	que
tôi	敗		Đức	等方主昆	
Cùi	敗		chúa	等方主昆	Filio
tin	敗		Con	等方主昆	procedit
Có	敗	in	hiện	等方主昆	
Đức	敗		ra	等方主昆	
chúa	敗		Cùi	等方主昆	
phô	敗		là	等方主昆	
ri	敗	Spiritum	Kẻ	等方主昆	qui
tô	敗		phải	等方主昆	
Sống	敗	Sanctum	thờ	等方主昆	
tôi	敗		lạy	等方主昆	adoratur
là	敗		Cùi	等方主昆	
Đức	敗	Dominum	ngì	等方主昆	et
chúa	敗		Khen	等方主昆	
Bởi	敗		Cùm	等方主昆	Conglorificatur
Cùi	敗	et	một	等方主昆	
là	敗		Cùi	等方主昆	Simul
Kẻ	敗		Đức	等方主昆	Cum
hay	敗		chúa	等方主昆	
ban	敗		chí	等方主昆	Patre
Sự	敗		Cùi	等方主昆	et
Sống	敗	vivificantem	Đức	等方主昆	
Và	敗		chúa	等方主昆	
Kẻ	敗	qui	Con	等方主昆	Filio
bởi	敗	ex	Cùi	等方主昆	
Đức	敗		là	等方主昆	
chúa	敗	Patre	Kẻ	等方主昆	qui
chà	敗		phán	等方主昆	
			Tha	等方主昆	locutu

tôi	芬	ex	loài	類	homine
và	嘗		người	人	
bởi	翻		chúng	衆	nos
vì	爲		tôi	爲	
mẫu	瑪	Maria	cùng	與	et
mẹ	利		vì	爲	propter
đồng	亞		nhân	人	
trinh	童	Virgine	loài	類	Salutem
cùng	貞	et	chúng	衆	
chúa	女		tôi	爲	nostram
làm	爲	est	bởi	翻	de
người	人	factus	trời	天	
cùng	與	homo	đà	降	cœlis
chúa	主	etiam	xuống	降	descendit
đóng	同		cùng	與	et
đinh	釘	Crucifixus	Cô	孤	est
vì	爲		tính	性	incarnatus
chúng	衆	pro	xác	形	
tôi	爲	nobis	thể	體	de
chịu	受		bởi	翻	
chúng	衆	Sub	chúa	主	Spiritu
thế	世		Đức	德	
phán	判	Pontio	phi	非	
Hê	海		tô	蘇	
ô	烏		Sáng	聖	Sancto

Khi	基	Christum	tin	信	Credo
vì	督		có	有	
số	耶		một	一	in
tổ	穌		Đấng	主	unum
là	是		chúa	主	Deum
một	一	unigenitum	có	有	
Con	子		phép	權	omnipotentem
chúa	主	Filium	tất	能	
Đấng	主	Dei	cả	全	
và	與	et	Kẻ	造	factorem
bởi	翻	ex	dựng	成	
Đức	德		nên	天	Cœli
chúa	主	Patre	mọi	地	et
Cha	父		đất	地	Terre
sinh	生	natum	các	各	omnium
ra	出		sự	物	
trước	先	ante	xem	視	visibilium
hết	歇		thấy	得	et
các	各	omnia	cùng	與	
đời	代	Seula	không	不	
chúa	主	Deum	thấy	得	
bởi	翻	De	và	與	et
chúa	主	Deo	có	有	
Đấng	主	Deo	một	一	unum
Sự	事		chúa	主	Dominum
Sáng	光	lumen	Jêsu	支	
bởi	翻	de	Kitô	基	Jesum
Sự	事				

xin	求		Đức	德	
Đức	德		chúa	主	
chúa	主		Giê	耶	
Giê	耶		su	穌	
su	穌		Kitô	基	
Kitô	督		duy	惟	per
vì	爲		một	一	
những	衆		Đấng	主	
người	人		chúa	主	
chúng	衆		Giê	耶	
tôi	我		su	穌	
đã	既		Kitô	基	
bị	被				Victa
Kinh	經				
Thánh	聖				
					Evangelica

Đầu hết hay là khởi giữa thì e van ge li o vân vân	頭或是仍問特查教與文新身六	Initium Vel Sequentia Sancti Evangelij	Đức chúa trời ở cùng bay	德主天主與	Dominus Cum Vobij
thừa	蒙		thừa	蒙	
Lấy Khi xi tô chúng tôi Khiến người	祇基督我們令使	Christe Nos tibi	và ở cùng linh hồn ngài	帶其灵魂等	et cum Spiritu tuo

xin Đức chúa trời ở trào tôi và ở nơi môi tôi cho Đức Khê cho đáng và phải thế	願天主天主與我們常在我們心中及我們口唇之間	Dominus Sit in Corde meo et in labij meij ut annuntiem digne et Competenter	e van ge li ô ngài	福音文書爲等	Evangelium Suum
cho	准		cho	准	
Đọc hay là Đọc cầu phép lành sao	祈主帝准我們近及	Domine Jube benedicere			Amen

Lấy chúa Đeo hay Đọc cầu phép lành sao	祈主帝准我們近及	Domine Jube benedicere	e van ge li ô ngài	福音文書爲等	Evangelium Suum
				- 157 -	

Sa i a phê rô phê ta hay là cầu nhân lành ngài mà ban ơn làm cho sạch tôi như thế ấy cho Đức Khê cho đáng Thánh	以依亞伯罕先知或是天主仁慈等恩賜爲洗我們心使我們可以堪當天主之聖名	Ysaia prophetia misericordia Tua dignare mundare me ut valeam nuntiare digne Sancto			

chúa	主	Deus	thì	所主	Dominus
Deo	帝		chúa		
Có	有	omnipotens	nhời	言	
phép	法		Cùng	共	Cum
vô	無		Cùng	共	Vobis
cùng	窮		bay	你	
hay	能				
làm	為				
cho	令				
sạch	潔	munda	thứa	特	Et
láo	虛	Cor	và	與	et
tôi	我	meum			
Cùng	共	ac	Cùng	共	Cum
mọi	衆	labia	Linh	靈	Spiritu
tôi	我		hồn	魂	
chúa	主		ngài	爾	tuo
Deo	帝				
là	為				
Kẻ	人	qui			
đã	已				
lấy	取				
than	炭	Calculo			
của	之				
mà	而	ignito			
làm	為				
cho	令				
sạch	潔	mundavit			
mọi	衆	labia			
ông	翁				
thì	時				

tô	荅				
Cùng	共	Cum			
chúa	主				
Đức	德	Spiritu			
phi	非				
ri	利				
tô	徒				
Sang	聖	Sancto			
tô	徒				
Có	有	in			
nỗi	能				
vô	無				
sự	事				
Song	雙	gloria			
trào	朝				
Deo	帝	Dei			
chà	父	Patris			
chớ	莫	Amen			
gì	之				

thương	憐	miserere	hạ	下	mundi
xem	視		hay	矣	
chúng	衆	nobis	thương	憐	miserere
tôi	我		xem	視	
vì	為	quoniam	chúng	衆	nobis
chúng	衆		tôi	我	
Có	有	Solus	là	為	qui
một	一		Kẻ	人	
ngài	爾	tu	cất	取	tollis
là	為		những	諸	
thánh	聖	Sanctus	tội	罪	peccata
Có	有	Solus	thiên	天	mundi
một	一		hạ	下	
ngài	爾	tu	hay	矣	
là	為		chịu	受	Suscipe
chúa	主	Dominus	lấy	取	
Có	有	Solus	nhời	言	
một	一		chúng	衆	nostram
ngài	爾	tu	tôi	我	
rất	極		Cầu	求	Deprecationem
cao	高	altissimus	xin	願	
là	為		là	為	qui
Jesu	耶穌	Jesu	Kẻ	人	
Christe	基督	Christe	ngồi	坐	Sedes
			bên	旁	ad
			hữu	右	dexteram
			Đức	德	
			chúa	主	Patris
			hay	矣	

lay	祈				
Đức	德	Domine			
chúa	主				
thời	時				
là	為	unigenite			
một	一				
Con	子	Filii			
Jesu	耶穌	Jesu			
Christe	基督	Christe			
ri	利				
s	斯				
tô	徒				
lay	祈				
chúa	主	Domine			
Deo	帝	Deus			
Con	子				
chiên	羔	Agnus			
chúa	主				
Deo	帝	Dei			
Con	子	Filius			
Đức	德				
chúa	主	Patris			
chà	父				
là	為				
Kẻ	人	qui			
cất	取	tollis			
những	諸				
tội	罪	peccata			
thiên	天				

ngì	吳空	te	mọi	多多	
khiêm	清吳	Glorificamus	sự	神主	Gloria
ngì	感恩	te	sáng	逆天	
cám	吳	agimus	trào	令朱	in
ơn	乃	gratias	ở	主帝	
ngì	事	tibi	trên	佛	excelsis
vì	乃	propter	bởi	帝	
sự	事		cho	世	
sáng	高	gloriam	chúa	主帝	Deo
trào	天		Deo	帝	
cả	堂	magnam	và	帝	et
thế	吳		dưới	部	
ngì	事	tua	đất	世	in
	神				terra
lạy	主	Domine	bằng	平	
chúa	帝		an	安	pax
Deo	吳	Deus	cho	朱	
cù	事		những	仍	
Eò	天	Rex	ngì	事	hominibus
thiên	堂		lấy	美	
Đàng	吒	celestis	lòng	吟	Voluntatis
chú	主	Pater	chúng	衆	
Có	古		tôi	行	bonæ
Deo	帝	Deus	khen	稱	
phép	佛		ngì	事	laudamus
Vô	無	omnipotens	mừng	明	
cùng	窮		ngì	事	te benedicimus
			lạy	拜	Adoramus

chớ	皆				
gì	之	Amen			
chúa	主帝				
Deo	佛	Kirie			
thương	傳				
xem	被	eleison			
vân	云				
vîn	云				
khi	基				
ni	被	Christe			
xi	受				
tô	苏				
thương	倫	eleison			
xem	被				
vân	云				
vân	云				

lạy	拜				
chúa	主帝	Domine			
Deo	佛				
chúng	衆				
tôi	行				
xin	真	oramus			
ngì	事	te			
vì	乃	per			
công	功				
nghiệp	業	merita			
những	仍				
thánh	聖	Sanctorum			
ngì	事	tuorum			
là	吳				
kẻ	此	quorum			
có	故				
xứng	昌	reliquiæ			
thánh	聖				
ở	支	Sunt			
đây	依	hic			
và	擧	et			
các	各				
thánh	聖	omnium			
thì	卦	Sanctorum			
làm	爲	ut			
ơn	恩	digneris			
tha	赦	indulgere			
các	各				
tội	罪	omnia			
tôi	行	mea			

các	各				
thánh	聖	Sanctorum			
vì	爲				
ki	基	per			
ni	被				
xi	受	Christum			
tô	苏				
chúa	主				
chúng	衆	Dominum			
tôi	行	nostrum			
chớ	皆				
gì	之	Amen			

lạy	拜				
chúa	主帝	Domine			
tôi	行				
chúng	衆				
tôi	行	quæsumus			
xin	真				
cất	拔				
cho	朱				
chúng	衆				
tôi	行				
khỏi	恩	nobis			
những	仍				
tội	罪				
chúng	衆	iniquitates			
tôi	行				
chúng	衆				
tôi	行	Nostras			
cho	朱				
chúng	衆	ut			
tôi	行				
Đức	德				
thì	卦				
thần	神	mentibus			
sách	册				
sẽ	仕	purus			
mà	麻				
đáng	唐	mereamur			
dạo	到				
Đền	殿	introire			
nơi	尼	ad			
thánh	聖	Sancta			

Lạy Đức chúa blời hãy tỏ ra Đấng thương yêu ng̃ cho chúng tôi	神主奇矣斯呆方仡肤呆朱众衍	O Domine ostende misericordiam nobis
và ng̃ thua	蹠	Et
và dân ng̃ Sẽ mường blõ cùi ng̃	掌民呆仡明臣共呆	et plebs tua lætabitur in te
thua cùi ban mọi sự lành ng̃ cha chúng tôi	蹠共班旬事吟昌呆朱众衍	Et da salutare tuum nobis
Lạy Đức chúa blời hãy nghe mọi tôi cầu xin	神主奇矣道例衍來真	O Domine exaudi mea orationem
và	蹠	Et
và xin cho thông tôi kêu đến cùi ng̃	蹠嘆朱哨衍道共呆	et meus clamor veniat ad te
Đức chúa blời ở cùi bay	阿主奇共共拜	O Dominus cum vobis
thua và ở cùi lành hồn người	蹠嘆共共氏呆	et cum spiritu tuo
ta phải cầu nghiện	些衍求願	oremus

chúa Deo ng̃ blõ mình cùi chúng tôi Sẽ làm cho chúng tôi Sống	主眺呆仡肤共众衍之品朱众衍共	O Deus Conversus nos vivificabis
thua và dân ng̃ Sẽ mường blõ cùi ng̃	蹠掌民呆仡明臣共呆	et plebs tua lætabitur in te
xin chúa Deo có phép vô cùi và nhân lành ban cho chúng tôi phép ơn giải cùi phép tha chúng tội chúng tôi	真主眺共法無穷仡肤朱众衍共法印由法解共法赦仍罪众衍	Domine omnipotens et misericors tribuat nobis indulgentiam absolutionem et remissionem peccatorum nostrorum
thua chớ gì	蹠陷之	Amen
xin chúa Deo có phép vô cùi thắng xem bấy mà tha Đức chúng tội bấy thì đem bấy đến nơi Sống vô cùi	真主眺共法無穷仡肤共穷仡共敕仍罪众衍共例衍如庭拜旦尼共無穷	Deus omnipotens miserearur vestris et dimissis peccatis vestris perduat vos ad vitam æternam
thua chớ gì	蹠陷之	Amen

bay anh em Cầu cho tôi Cù chúa Deo chúng tôi	拜奉俺弟兄行共主耶穌天父	Vos fratres orare pro me ad Dominum Deum nostrum
thánh mi ghê a rê Can giô thánh jo an bap ti sta hai thánh tông đồ phê rô và bảo lọc Cái thánh Cù	聖胃討亞該于瑪孝拜安八早當些些聖宗徒耶曾伟祿各聖共	beatum Michaelem Arcangelum beatum Joannem Baptistam Sanctos Apostolos Petrum et Paulo omnes Sanctos et
lời mỗi nói và việc làm tội tôi tội tôi tôi tội tôi các trọng vì lẽ tôi xin thánh ma ri a blọn đời đời trinh	天罪闡內嘩役內吊行吊行吊行極重冷亞行頂聖瑪該亞萬代童貞	verbo et opere culpa mea culpa mea culpa mea maxima Deo precor beatem Mariam Semper Virginem

ta hai thánh tông đồ phê rô Cù bảo lọc các thánh vô bay anh em vì chúng tôi đã phạm tội quá lắm và bảo đọi	些些聖宗徒耶曾共伟祿各聖共些些動	Sanctis Apostolis Petro et Paulo omnibus Sanctis et vobis fratres quia peccavi nimis Cogitatione
tôi xưng cùng chúa Deo có phép vô cùng thánh ma ri a blọn đời đời trinh thánh mi ghê a rê Can giô thánh jo an bắp ti sta	行祈共主耶穌天陛無窮聖瑪該亞萬代童貞孝該于斉孝抵安抵早些	Confiteor Deo omnipotenti beatæ Mariæ Semper Virgini beato Michael Arcangelo beato Joanni baptista
thưa lời Kẻ đã làm nên bởi cõi đất	跪眾凡造物斉些地	R. qui fecit cœlum et terram

Kẻ giúp đến chúa Deo là Kẻ làm cho vui những tuổi đang thì tôi	m. Ad Deum qui lætificat juventutem meam	Kẻ giúp nhưđã có thuở trước và rày và mãi đời đời chớ gì tôi	m. Sicut erat in principio et nunc et Semper et in Sæcula Sæculorum Amen
Sức mạnh giúp chúng tôi nơi tên chúa Đức mình	v. Adjutorium Nostrum in nomine Domini	Cả tôi sẽ bước vào đền thờ chúa Deo	S. Introibo ad altare Dei

Cả tôi sẽ ngợi khen Đức Chúa Trời là Cha và Con và phi ri tô Sang tô

S. Gloria Patri et Filio et Spiritui Sancto

Kẻ giúp hãy kêu cầu Chúa Deo vì chưng tôi sẽ xưng ra cùng ngài nữa ngài là mình sức mạnh mặt mũi tôi cùng là Deo tôi	m. Spera in Deo quoniam Confiteor illi adhuc Salutare vultus mei Deus meus	Cả tôi sẽ xưng ra cùng ngài Khi gảy đàn cầy chúa Deo tôi ở cùng hồn tôi nhân sao mà ở là buồn cùng nhân sao mà làm hồn tôi	S. Confitebor tibi in Cythara Deus Deus meus anima mea quare es tristis et quare Conturbas me
Kẻ giúp vả lại tôi sẽ vào đền đài thờ chúa Deo đến chúa Deo là Kẻ làm cho vui những tuổi đang thì tôi	m. et introibo ad altare Dei ad Deum qui lætificat juventutem meam		

HARVARD COLLEGE LIBRARY

Thày	牌	S.
Cả	哥	-168-
xin	奏	Emitte
chúa	主	
Deo	𠀤	
ban	班	
sự	事	Lucem
sáng	明	
người	𠊛	tuam
cũ	古	et
đức	德	
thực	實	veritatem
thà	𠀧	
người	𠊛	tuam
hai	𠀧	
sự	事	ipsa
cả	哥	
đem	𠀧	deduxerunt
tôi	𠀤	me
đi	𠀤	
cùng	共	et
đến	到	ad duxerunt
núi	山	in
thánh	聖	montem
người	𠊛	Sanctum
và	和	tuum
đến	到	et
những	仍	in
nhà	家	tabernacula
kín	謹	
người	𠊛	tua

Kẻ	𠀧	m.
giúp	助	
vì	為	
chúng	衆	
người	𠊛	tu
là	是	
chúa	主	
Deo	𠀤	Deus
là	是	
sức	力	fortitudo
mạnh	強	
tôi	𠀤	mea
nhân	因	
sao	何	quare
đã	已	
bỏ	拋	repulisti
tôi	𠀤	me
cùng	共	et
nhân	因	
sao	何	quare
tôi	𠀤	
buồn	悲	incedo
đi	𠀤	
lo	憂	
buồn	悲	tristis
khi	時	dum
kẻ	𠀧	inimicus
thù	讐	
làm	為	
khốn	困	affligit
tôi	𠀤	

Thày	牌	S
Cả	哥	
xin	奏	
chúa	主	Deus
Deo	𠀤	
xét	察	judica
mình	己	
tôi	𠀤	me
cùng	共	et
lìa	離	disserne
ra	出	
việc	役	causam
tôi	𠀤	meam
cho	與	de
khỏi	脫	
những	仍	
người	𠊛	gente
chẳng	不	non
phải	𠀧	
là	是	
thánh	聖	Sancta
cùng	共	et
công	公	civie
tôi	𠀤	me
chớ	莫	
khỏi	脫	ab
người	𠊛	homine
dữ	惡	iniquo

Kinh Bà vua Thanh Đa vít Thu bốn mươi sáu hai

Kẻ	𠀧	m.
giúp	助	
tôi	𠀤	
đến	到	ad
chúa	主	Deum
Deo	𠀤	
là	是	
kẻ	𠀧	qui
làm	為	
cho	與	letificat
vui		
những	仍	
tuổi	歲	juventute
trẻ	𠀧	
thì	時	
tôi	𠀤	meam

Thày	牌	S.
Cả	哥	-169-
tôi	𠀤	
sẽ	仕	Introibo
vào	𠀧	
đến	到	ad
bàn	盤	altare
thờ	祭	
chúa	主	Dei
Deo	𠀤	

BIBLIOTHECA NACIONAL DE LISBOA

In	因
nomine	名
Patris	父
et	與
Filii	子
et	與
Spiritu	聖
Sancto	神
Amen	

Danh Cha và Con và phi ri tô Sang to

次序礼冒沙	Thứ tự lễ	美各經事仍爰了由蹐捐詩默如礼	分次一
Ordo	missa	nghĩa các Kinh đồng Sa che ro do tê quen đọc Khi làm lễ	phần Thứ nhất
Missae			

美經事仍爰了由蹐捐詩默如各法沒彙與冬蹐

nghĩa chung đấng Sa xe ro do tê quen đọc khi làm các phép Sa ca ra men tô

Thứ tự THÁNH LỄ MISSA
(Ordo Missae)

PHẦN THỨ NHẤT

(8)

(1) Nguyên văn không ghi chữ Quốc Ngữ.

特別的哨人畏哨除也所染生眼又哨畏星生林

Được biết những tiếng ấy là tiếng đã phải thêm cho ra nghĩa tiếng La tinh cho tỏ

史所些所法人許眼各婆人生各花踏被孤哨安南林許鬼乃

Thời hai: ta chẳng tỏ ý biết ra cách kiểu ấy cho các Pha đã có tiếng An Nam mà tốc tiếng vì

些迺別法人呢如哨安南婆人奴許哨畏星林迺乃

ta đã biết có nhiều nói ra như tiếng An Nam mà không thể vì ta chẳng nước đã vậy vì chẳng sự cần nghĩa

体人安妨別美哨畏星生許狹內生玲安南双爵些

thể ấy có sức hàn nghĩa tiếng La tinh cho tỏ hơn nói ra cho nhẹ An Nam Song le cũng đã ta, sức đặt cho

双爵些色所对史序畏步林法特史序步哨畏星如步曲胃快移

Song le ta đã phải đổi thứ tự trước sau mà chẳng các được thứ tự về tiếng La tinh như trong Sách mis sa lê

共曲移煖逐移所法史理节林劉美如体人多些色序遵哨安

cũng Sách Ri tu a lê được vì dường chẳng có lẽ nào mà cắt nghĩa như thế ấy vì vậy ta đã phải tuỳ tiếng An

南林卓步哨畏星則哨安南畏色美哨人如別各拖踏後步別又人

nam mà đặt các tiếng La tinh gần tiếng An nam là chẳng nghĩa tiếng ấy như dấu các phẩm tế vì cho biết nghĩa ấy

史曲林些色哨所及哨安南指哨劉又及哨畏星步陸双爵所逐

lại Bởi mà ta đã ra sức cái một tiếng An nam chỉ về cắt nghĩa một tiếng La tinh cho tỏ lẽ ấy nhau Song le hai giống

哨人畏各陸所步朱劉法史理节林劉些特如体人買所至法欺序用哨

tiếng ấy xa khác nhau xa, cho nên chẳng có lẽ nào mà các được như thế ấy vì vậy có nhiều khi phải dùng nhiều tiếng

安南步特劉又及哨畏星則各哨人步各拖踏後

An Nam cho được cắt nghĩa một tiếng La tinh gần các tiếng ấy cho các Pha tế vì

cho biết nghĩa những lời ấy thì có lẽ cũng đáng phải quở những lời đức chúa trời phán trong Sách Truyền rằng Đấng
sự học cho thông hiểu bao xét lẽ mà kẻo làm những việc về đường sa xe rỏ đo tế, Còn nhiều lẽ khác được các thầy
Sáng não cho tỏ song lẽ ta đã biết trí sáng các pha tế rỉ đã suy đức những lẽ ấy và lại ta cũng
rỉ học sáng não cho tỏ song lẽ ta đã biết trí sáng các pha tế rỉ đã suy đức những lẽ ấy và lại ta cũng
Đấng

美終 (TỰA)[1]

美終 nghĩa chung

美終 nghĩa chung

一指出劉美仍稱指詐欺多指礼用法使歌哭終

一指出劉美仍稱指詐欺多指礼用法使歌哭終

178

美劉 美仍稱指詐欺多法使歌哭終

美劉 美仍稱指詐欺多法使歌哭終

178

Tuy rằng đức Thánh Phà đã ban phép rộng cho Phà tê ri An nam được chịu chức Sa xe rô do tê khi đã biết được

Tuy rằng đức Thánh Phà đã ban phép rộng cho Phà tê ri An nam được chịu chức Sa xe rô do tê khi đã biết được

Tuy rằng đức Thánh Phà đã ban phép rộng cho Phà tê ri An nam được chịu chức Sa xe rô do tê khi đã biết được

Tuy rằng đức Thánh Phà đã ban phép rộng cho Phà tê ri An nam được chịu chức Sa xe rô do tê khi đã biết được

Sa xe rô do tê hằng quen đoàn khi mới quen làm kẻ mi

Sa xe rô do tê hằng quen đoàn khi mới quen làm kẻ mi

Sa phân thì hai chữ

Sa phân thì hai chữ

Sa xe rô do tê hằng quen đoàn khi mới quen làm kẻ mi

Sa xe rô do tê hằng quen đoàn khi mới quen làm kẻ mi

178

Đời nay vì dòng sau chẳng cùng giới một lớn sức nên chi về cất nghĩa những kinh các sa xe

Đời nay vì dòng sau chẳng cùng giới một lớn sức nên chi về cất nghĩa những kinh các sa xe

Đời nay vì dòng sau chẳng cùng giới một lớn sức nên chi về cất nghĩa những kinh các sa xe

Đời nay vì dòng sau chẳng cùng giới một lớn sức nên chi về cất nghĩa những kinh các sa xe

Sa xe rô do tê hằng quen đoàn khi mới quen làm kẻ mi

Sa xe rô do tê hằng quen đoàn khi mới quen làm kẻ mi

Sa phân thì hai chữ

Sa phân thì hai chữ

Sa xe rô do tê hằng quen đoàn khi mới quen làm kẻ mi

Sa xe rô do tê hằng quen đoàn khi mới quen làm kẻ mi

178

Đời xưa vì dòng sau chẳng cùng giới một lớn sức nên chi về cất nghĩa những kinh các sa xe

Đời xưa vì dòng sau chẳng cùng giới một lớn sức nên chi về cất nghĩa những kinh các sa xe

Đời xưa vì dòng sau chẳng cùng giới một lớn sức nên chi về cất nghĩa những kinh các sa xe

Đời xưa

5436 04